

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **673** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **01** tháng **3** năm 2022

V/v nghiên cứu rà soát, đánh giá và đề xuất sửa đổi Luật thuế XK, thuế NK

Kính gửi: Các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan.

Ngày 16/12/2021, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 2114/QĐ-TTg về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, trong đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu, rà soát Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu báo cáo Chính phủ chậm nhất trước ngày 30/9/2022.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan đã dự thảo Đề cương báo cáo nghiên cứu rà soát, đánh giá và đề xuất sửa đổi Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Để đảm bảo việc nghiên cứu, rà soát Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 đầy đủ, khách quan, toàn diện, Tổng cục Hải quan đề nghị các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan:

1. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, đề xuất sửa đổi Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo Đề cương gửi kèm (phụ lục 1)

2. Báo cáo thống kê số liệu về số tiền thuế miễn, giảm, hoàn, kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu gửi kèm (phụ lục 2);

- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thống kê số liệu số tiền thuế miễn, giảm, hoàn theo mẫu biểu I, II, III phụ lục 2.

- Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan cung cấp số liệu thống kê về:

+ Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu phân theo nhóm nước (theo thuế suất MFN, theo thuế suất ưu đãi đặc biệt) theo mẫu biểu IV phụ lục 2.

+ Kim ngạch xuất nhập khẩu đối với hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ (thuế hiện tại theo thuế suất MFN, FTA) theo mẫu biểu V phụ lục 2.

3. Tham gia ý kiến về các nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung của Tổng cục Hải quan (phụ lục 3) và dự thảo Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sửa đổi (đính kèm).

Ý kiến xin gửi về Tổng cục Hải quan (Cục Thuế XNK) trước ngày 10./03/2022 để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính, báo cáo Chính phủ (Đầu mối liên hệ: đ/c Trần Huyền Khiêm, email: khiemth2@customs.gov.vn; ĐT: 0947.625.562).

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT, TXNK (03b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Phụ lục I

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI LUẬT THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm công văn số **673** /TCHQ-TXNK ngày 01 / 3 /2022 của Tổng cục Hải quan)



I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN

1. Kết quả đạt được

Nội dung đánh giá kết quả đạt được của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 có hiệu lực từ 01/9/2016 trong hơn 5 năm qua (2016 - 2021) so với mục tiêu, yêu cầu đặt ra khi xây dựng Luật (như: Cải cách chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; tháo gỡ khó khăn, khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức khác đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững; đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế, ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước), bao gồm cả số liệu tổng quát thực tế.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thi hành Luật, các điều khoản tại Luật. Nội dung bất cập, hạn chế, mâu thuẫn, chòng chéo, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

II. ĐÁNH GIÁ CỤ THỂ

1. Nội dung đánh giá theo từng Điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (gồm 21 Điều từ Điều 1 đến Điều 21).

- Riêng đối với các Điều về miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế (Điều 16, Điều 18, Điều 19) thực hiện đánh giá như sau:

+ Điều 16 (miễn thuế): Đánh giá tình hình thực hiện với từng trường hợp miễn thuế theo từng khoản của Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (24 khoản).

+ Điều 18 (giảm thuế): Đánh giá tình hình thực hiện với từng trường hợp giảm thuế theo quy định tại Điều 18 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

+ Điều 19 (hoàn thuế): Đánh giá tình hình thực hiện với từng trường hợp hoàn thuế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (5 trường hợp).

- Các nhóm vấn đề khác (nếu có).

2. Phương pháp đánh giá:

- Quy định hiện hành tại Luật (nêu rõ điều khoản);

- Đánh giá tình hình thực hiện

+ Thuận lợi;

+ Khó khăn, vướng mắc (nếu có) và nguyên nhân (xuất phát từ quá trình thực hiện; từ thực tế phát sinh mới; tính phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật...); kinh nghiệm quốc tế trong việc xử lý vấn đề này; số liệu, tài liệu về các nội dung đề xuất;

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung

+ Đề xuất sửa đổi nội dung cụ thể tại Luật.

+ Kiến nghị của các tổ chức, cá nhân khác nếu có (bao gồm các cơ quan kiểm tra như kiểm toán, thanh tra...);

- Đánh giá tác động của nội dung đề xuất sửa đổi đối với kinh tế xã hội, doanh nghiệp, người dân, ngân sách nhà nước (nếu có);

3. Rà soát nội dung Nghị định số 134/2016/NĐ-CP và Nghị định số 18/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và đề xuất đưa vào Luật những nội dung đã thực hiện ổn định, không có vướng mắc (nếu phù hợp).

4. Tổng kết, đánh giá và đề xuất sửa đổi, bổ sung Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất thuế xuất khẩu đối với từng nhóm hàng chịu thuế (đặc biệt là nhóm có STT 211).

III. ĐỀ XUẤT

Kiến nghị các nội dung cấp thiết cần sửa đổi ngay trong năm 2022 theo hình thức Luật sửa đổi, bổ sung nhiều Luật; Các nội dung chưa cấp thiết và sẽ sửa đổi khi sửa đổi Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tổng thể./.

Phụ lục II
BÁO CÁO THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ SỐ TIỀN THUẾ MIỄN, GIẢM,
HOÀN, KIM NGÁCH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm công văn số **673** /TCHQ-TXNK ngày **01** / **3** /2022
của Tổng cục Hải quan)



I. Số liệu số thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được miễn tại Điều 16 Luật thuế XNK

STT	Khoản	Thuế XK (tỷ đồng)				Thuế NK (tỷ đồng)				Tổng cộng thuế XNK
		Năm 2016	...	Năm 2021	Tổng cộng thuế NK	Năm 2016	...	Năm 2021	Tổng cộng thuế XK	
(1)	(2)	(3)	...	(8)	9 (9=3+...+8)	(10)	...	(15)	16(16=10+...+15)	17(17= 9+ 16)
1	Khoản 1									
2	Khoản 2									
...	...									
24	Khoản 24									
	Tổng cộng									

(Bảng chữ: Số liệu tổng cộng số tiền thuế XK, thuế NK được miễn của 24 khoản ở cột số 17)

Ghi chú: Đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, trường hợp không có số liệu miễn thuế nhập khẩu thì không phải thống kê ở mục này.

II. Số liệu số thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được giảm tại Điều 17 Luật thuế XNK

STT	Năm	Thuế XK (tỷ đồng)	Thuế NK (tỷ đồng)	Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	5 (5=3+4)
1	2016			
2	2017			
...	...			
6	2021			
	Tổng cộng			

(Bảng chữ: Số liệu tổng cộng số tiền thuế XK, thuế NK được giảm từ năm 2016-2021 ở cột số 5)

III. Số liệu số thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã hoàn tại Điều 19 Luật thuế XNK

STT	Năm	Thuế XK (tỷ đồng)	Thuế NK (tỷ đồng)	Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	5 (5=3+4)
1	2016			
2	2017			
...	...			
6	2021			
	Tổng cộng			

(Bảng chữ: Số liệu tổng cộng số tiền thuế NK, thuế XK đã hoàn từ năm 2016-2021 ở cột số 5)

IV. Số liệu kim ngạch XK, NK

STT	Năm	Kim ngạch XK (triệu USD)			Kim ngạch NK (triệu USD)			Tổng cộng kim ngạch XNK
		Theo thuế suất MFN	Theo thuế suất FTA	Tổng cộng	Theo thuế suất MFN	Theo thuế suất FTA	Tổng cộng	
(1)	(2)	(3)	(4)	5 (5=3+4)	(6)	(7)	8 (8=6+7)	9 (9= 5+8)
1	2016							
2	2017							
	...							
6	2021							
	Tổng cộng							

(Bảng chữ: Số liệu tổng cộng kim ngạch XNK ở cột số 9)

V. Số liệu kim ngạch XK, NK đối với hoạt động XNK tại chỗ

STT	Năm	Kim ngạch XK (triệu USD)			Kim ngạch NK (triệu USD)			Tổng cộng kim ngạch XNK
		Theo thuế suất MFN	Theo thuế suất FTA	Tổng cộng	Theo thuế suất MFN	Theo thuế suất FTA	Tổng cộng	
(1)	(2)	(3)	(4)	5 (5=3+4)	(6)	(7)	8 (8=6+7)	9 (9= 5+8)
1	2016							
2	2017							
	...							
6	2021							
	Tổng cộng							

(Bảng chữ: Số liệu tổng cộng kim ngạch XNK ở cột số 9)

Phụ lục III
DỰ KIẾN CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU SỐ 107/2016/QH13
(Ban hành kèm công văn số 673 /TCHQ-TXNK ngày 01 / 3 /2022 của Tổng cục Hải quan)



STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
	Điều 2. Đối tượng chịu thuế		
	<p>4. Đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>c) Hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan ra nước ngoài; hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hóa chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác;</p>	<p>Căn cứ điểm c khoản 4 Điều 2 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu bao gồm: <i>“Hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan ra nước ngoài; hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hóa chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác;”</i></p> <p>Căn cứ khoản 10 Điều 4 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP quy định: <i>“Doanh nghiệp chế xuất là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trong khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chuyên sản xuất sản phẩm để xuất khẩu hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế.”</i></p> <p>Căn cứ các quy định nêu trên, DNCX chỉ được phép thực hiện các hoạt động liên quan đến sản xuất sản phẩm để xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu của DNCX để phục vụ hoạt động sản xuất sản phẩm xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế. Pháp luật hiện hành không quy định hàng hóa của DNCX nhập khẩu để bán cho doanh nghiệp chế xuất khác hoặc bán sang một nước, vùng lãnh thổ khác ngoài lãnh thổ Việt Nam thuộc đối tượng không chịu thuế. Do đó, để giải quyết vướng mắc đối với trường hợp DNCX nhập khẩu hàng hóa để kinh doanh như đã nêu trên thì cần thiết phải bổ sung quy định tại điểm c khoản 4 Điều 2 theo hướng: <i>Trường hợp hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu từ nước ngoài để bán cho doanh nghiệp chế xuất khác hoặc bán sang một nước, vùng lãnh thổ khác ngoài lãnh thổ Việt Nam, trên tờ khai nhập khẩu phải kê khai, nộp thuế nhập khẩu. Hàng hóa nhập khẩu sau khi tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 như sau:</p> <p>4. Đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>c) Hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan ra nước ngoài; hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hóa chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác. <i>Trường hợp hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu từ nước ngoài để bán cho doanh nghiệp chế xuất khác hoặc bán sang một nước, vùng lãnh thổ khác ngoài lãnh thổ Việt Nam, trên tờ khai nhập khẩu phải kê khai, nộp thuế nhập khẩu. Hàng hóa nhập khẩu sau khi tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.</i></p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
	Điều 3. Người nộp thuế		
	<p>1. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>2. Tổ chức nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>3. Người xuất cảnh, nhập cảnh có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, gửi hoặc nhận hàng hóa qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam.</p> <p>4. Người được ủy quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế, bao gồm:</p> <p>a) Đại lý làm thủ tục hải quan trong trường hợp được người nộp thuế ủy quyền nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;</p> <p>b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyên phát nhanh quốc tế trong trường hợp nộp thuế thay cho người nộp thuế;</p> <p>c) Tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng trong trường hợp bảo lãnh, nộp thuế thay cho người nộp thuế;</p> <p>d) Người được chủ hàng hóa ủy quyền trong trường hợp hàng hóa là quà biếu, quà tặng của cá nhân; hành lý gửi trước, gửi sau chuyển đi của người xuất cảnh, nhập cảnh;</p> <p>đ) Chi nhánh của doanh nghiệp được ủy quyền nộp thuế thay cho doanh nghiệp;</p> <p>e) Người khác được ủy quyền nộp thuế thay cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Người thu mua, vận chuyển hàng hóa trong định mức miễn thuế của cư dân biên giới nhưng không sử dụng cho sản xuất, tiêu dùng mà đem bán tại thị trường trong nước và thương nhân nước ngoài được phép kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở chợ biên giới theo quy định của pháp luật.</p>	<p>(1) Hiện nay theo quy định tại dự thảo Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử đã bỏ sung đối tượng nộp thuế mới là “<i>chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng</i>”. Do đó, cần thiết bổ sung đối tượng nộp thuế nêu trên tại Điều 3 Luật thuế xuất nhập khẩu.</p> <p>(2) Căn cứ khoản 8 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định:</p> <p><i>“Trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế, người khai thuế cầm cố, thế chấp để làm tài sản bảo đảm các khoản vay, người khai thuế chưa kê khai tờ khai hải quan mới, nộp đủ thuế theo quy định của pháp luật về hải quan nhưng tổ chức tín dụng phải xử lý tài sản cầm cố, thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ quy định tại điểm m khoản 4 Điều này thì tổ chức tín dụng có trách nhiệm nộp thuế thay cho người khai thuế.</i></p> <p><i>Trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan bị cơ quan hải quan kê biên, bán đấu giá để cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế trong lĩnh vực hải quan, hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế bị kê biên, bán đấu giá theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án thuộc đối tượng phải nộp thuế thì cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá có nghĩa vụ trích nộp tiền thu được từ tiền bán hàng đấu giá để nộp tiền thuế đối với hàng hóa bị kê biên, bán đấu giá cho cơ quan hải quan.”</i></p> <p>Do đó, cần bổ sung đối các đối tượng nộp thuế nêu trên tại Điều 3 Luật thuế xuất nhập khẩu để đảm bảo phù hợp với pháp luật về quản lý thuế.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:</p> <p>1. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>2. Tổ chức nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>3. Người xuất cảnh, nhập cảnh có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, gửi hoặc nhận hàng hóa qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam.</p> <p>4. Người được ủy quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế, bao gồm:</p> <p>a) Đại lý làm thủ tục hải quan trong trường hợp được người nộp thuế ủy quyền nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;</p> <p>b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyên phát nhanh quốc tế trong trường hợp nộp thuế thay cho người nộp thuế; <i>chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng.</i></p> <p>c) Tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng trong các trường hợp: <i>Bảo lãnh, nộp thuế thay cho người nộp thuế; hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế, người nộp thuế cầm cố, thế chấp để làm tài sản bảo đảm các khoản vay, người nộp thuế chưa kê khai tờ khai hải quan mới, nộp đủ thuế theo quy định của pháp luật về hải quan nhưng tổ chức tín dụng phải xử lý tài sản cầm cố, thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.</i></p> <p>d) <i>Cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan bị cơ quan hải quan kê biên, bán đấu giá để cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế trong lĩnh vực hải quan, hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế bị kê biên, bán đấu giá theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án thuộc đối tượng phải nộp thuế.</i></p>
	<p>6. Người có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế nhưng sau đó có sự thay đổi và chuyển sang</p>		<p>d) d) Người được chủ hàng hóa ủy quyền trong trường hợp hàng hóa là quà biếu, quà tặng của cá</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
	<p>đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>		<p>nhân; hành lý gửi trước, gửi sau chuyển đi của người xuất cảnh, nhập cảnh;</p> <p>e) đ) Chi nhánh của doanh nghiệp được ủy quyền nộp thuế thay cho doanh nghiệp;</p> <p>g) e) Người khác được ủy quyền nộp thuế thay cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Người thu mua, vận chuyển hàng hóa trong định mức miễn thuế của cư dân biên giới nhưng không sử dụng cho sản xuất, tiêu dùng mà đem bán tại thị trường trong nước và thương nhân nước ngoài được phép kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở chợ biên giới theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Người có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế nhưng sau đó có sự thay đổi và chuyển sang đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>
Điều 4. Giải thích từ ngữ			
	<p>1. Khu phi thuế quan là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo quy định của pháp luật, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm Điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện, hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.</p>	<p>Vướng mắc trong quá trình thực hiện:</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định rõ khu phi thuế quan phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập và ghi rõ được hưởng chính sách thuế của khu phi thuế quan trên quyết định thành lập.</p> <p>- Theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 10 Điều 2 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP:</p> <p>a) <i>Khu chế xuất là khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục áp dụng đối với khu công nghiệp quy định tại Nghị định này.</i></p> <p><i>Khu chế xuất được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo các quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan quy định tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;</i></p> <p>10. Doanh nghiệp chế xuất là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trong khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chuyên sản xuất sản phẩm để xuất khẩu hoạt động trong</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:</p> <p>1. Khu phi thuế quan là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thành lập theo quy định của pháp luật xác nhận được hưởng chính sách thuế của khu phi thuế quan, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện, hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p><i>Khu phi thuế quan bao gồm: Khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, kho ngoại quan, khu kinh tế thương mại đặc biệt và các khu vực kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>Trường hợp doanh nghiệp chế xuất không nằm</i></p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		<p><i>khu công nghiệp, khu kinh tế.</i></p> <p><i>Doanh nghiệp chế xuất không nằm trong khu chế xuất được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo các quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.</i></p> <p>Căn cứ quy định nêu trên, khu chế xuất phải được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo quy định áp dụng với khu phi thuế quan. Đối với DNCX không nằm trong khu phi thuế quan cũng phải được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo quy định áp dụng với khu phi thuế quan. Như vậy, đối với DNCX nằm trong khu chế xuất thì không phải ngăn cách với khu vực bên ngoài vì việc ngăn cách với khu vực bên ngoài của DNCX nằm trong khu chế xuất trên thực tế không thể thực hiện được.</p>	<p><i>trong khu chế xuất phải được ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan quy định tại Điều này.</i></p>
Điều 5. Căn cứ tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm			
	<p>1. Số tiền thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được xác định căn cứ vào trị giá tính thuế và thuế suất theo tỷ lệ phần trăm (%) của từng mặt hàng tại thời Điểm tính thuế.</p> <p>2. Thuế suất đối với hàng hóa xuất khẩu được quy định cụ thể cho từng mặt hàng tại biểu thuế xuất khẩu.</p> <p>Trường hợp hàng hóa xuất khẩu sang nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi về thuế xuất khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam thì thực hiện theo các thỏa thuận này.</p> <p>3. Thuế suất đối với hàng hóa nhập khẩu gồm thuế suất ưu đãi, thuế suất ưu đãi đặc biệt, thuế suất thông thường và được áp dụng như sau:</p> <p>a) Thuế suất ưu đãi áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam; hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước đáp ứng Điều kiện xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ</p>	<p>Tại Điều 5 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định về thuế suất thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu tại chỗ; chưa quy định về thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu tại chỗ. Do đó, cần bổ sung nội dung này tại Điều 5 theo hướng kế thừa các quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Cụ thể như sau:</p> <p>- Tại khoản 2 Điều này: Bổ sung quy định áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu tại chỗ như đối với hàng hóa xuất khẩu.</p> <p>- Tại điểm a khoản 3 Điều này: Bổ sung quy định áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với 02 trường hợp: Hàng hóa nhập khẩu tại chỗ; hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không đáp ứng các điều kiện để hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt nhập khẩu tại chỗ từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.</p> <p>- Tại điểm b khoản 3 Điều này: Bổ sung quy định áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan đáp ứng các điều kiện để hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt nhập khẩu tại chỗ từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.</p>	<p>1. Số tiền thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được xác định căn cứ vào trị giá tính thuế và thuế suất theo tỷ lệ phần trăm (%) của từng mặt hàng tại thời Điểm tính thuế.</p> <p>2. Thuế suất đối với hàng hóa xuất khẩu được quy định cụ thể cho từng mặt hàng tại biểu thuế xuất khẩu. <i>Trường hợp hàng hóa xuất khẩu tại chỗ áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu như đối với hàng hóa xuất khẩu quy định tại khoản này.</i></p> <p>Trường hợp hàng hóa xuất khẩu sang nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi về thuế xuất khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam thì thực hiện theo các thỏa thuận này.</p> <p>3. Thuế suất đối với hàng hóa nhập khẩu gồm thuế suất ưu đãi, thuế suất ưu đãi đặc biệt, thuế suất thông thường và được áp dụng như sau:</p> <p>a) Thuế suất ưu đãi áp dụng đối với <i>các trường hợp sau đây</i>: Hàng hóa nhập khẩu <i>không đáp ứng điều kiện</i> xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam; <i>hàng hóa nhập khẩu tại chỗ</i>; hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước đáp ứng điều kiện xuất xứ từ nước, nhóm</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
	<p>thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam;</p> <p>b) Thuế suất ưu đãi đặc biệt áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam; hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước đáp ứng Điều kiện xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam;</p> <p>c) Thuế suất thông thường áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này. Thuế suất thông thường được quy định bằng 150% thuế suất ưu đãi của từng mặt hàng tương ứng. Trường hợp mức thuế suất ưu đãi bằng 0%, Thủ tướng Chính phủ căn cứ quy định tại Điều 10 của Luật này để quyết định việc áp dụng mức thuế suất thông thường.</p>		<p>nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam; <i>hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không đáp ứng các điều kiện để hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt nhập khẩu tại chỗ từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.</i></p> <p>b) Thuế suất ưu đãi đặc biệt áp dụng đối với <i>các trường hợp sau đây</i>: Hàng hóa nhập khẩu <i>không đáp ứng điều kiện</i> xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam; hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu <i>tại chỗ</i> vào thị trường trong nước đáp ứng điều kiện xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam <i>và đáp ứng các điều kiện khác để hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan đáp ứng các điều kiện để hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt nhập khẩu tại chỗ từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.</i></p> <p>c) Thuế suất thông thường áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Thuế suất thông thường được quy định bằng 150% thuế suất ưu đãi của từng mặt hàng tương ứng. Trường hợp mức thuế suất ưu đãi bằng 0%, Thủ tướng Chính phủ căn cứ quy định tại Điều 10 của Luật này để quyết định việc áp dụng mức thuế suất thông thường.</p>
Điều 7. Thuế đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan			
	<p>1. Hàng hóa nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và Điều 6 của Luật này.</p> <p>2. Hàng hóa nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối ngoài hạn ngạch do cơ quan có thẩm quyền tại</p>	<p>Bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu tại chỗ giữa hai doanh nghiệp trong nước theo chỉ định của thương nhân nước ngoài ngoài hạn ngạch thuế quan được áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối ngoài hạn ngạch do cơ quan có thẩm quyền tại khoản 1 Điều 11 của Luật này, để xử lý vướng mắc trong thực tế.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:</p> <p>1. Hàng hóa nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và Điều 6 của Luật này.</p> <p>2. Hàng hóa nhập khẩu, <i>nhập khẩu tại chỗ</i> ngoài hạn ngạch thuế quan áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối ngoài hạn ngạch do cơ quan có thẩm quyền tại</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
	khoản 1 Điều 11 của Luật này quy định.		khoản 1 Điều 11 của Luật này quy định.
	Điều 9. Thời hạn nộp thuế		
	<p>1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế phải nộp thuế trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng hóa theo quy định của Luật hải quan, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.</p> <p>Trường hợp được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế phải nộp thì được thông quan hoặc giải phóng hàng hóa nhưng phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế kể từ ngày được thông quan hoặc giải phóng hàng hóa đến ngày nộp thuế. Thời hạn bảo lãnh tối đa là 30 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.</p> <p>Trường hợp đã được tổ chức tín dụng bảo lãnh nhưng hết thời hạn bảo lãnh mà người nộp thuế chưa nộp thuế và tiền chậm nộp thì tổ chức bảo lãnh có trách nhiệm nộp đủ thuế và tiền chậm nộp thay cho người nộp thuế.</p> <p>2. Người nộp thuế được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật hải quan được thực hiện nộp thuế cho các tờ khai hải quan đã thông quan hoặc giải phóng hàng hóa trong tháng chậm nhất vào ngày thứ mười của tháng kế tiếp. Quá thời hạn này mà người nộp thuế chưa nộp thuế thì phải nộp đủ số tiền nợ thuế và tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế.</p>	<p>(1) Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa có quy định về thời hạn nộp thuế đối với trường hợp nộp thuế bổ sung; nộp số tiền thuế ấn định. Do đó, cần thiết bổ sung tại Điều 9 để xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện, đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định về thời hạn nộp thuế tại khoản 4 Điều 55 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, khoản 6 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.</p> <p>(2) Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa có quy định về thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa phải phân tích, giám định để xác định chính xác số tiền thuế phải nộp; hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan; hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan. Do đó, cần thiết bổ sung tại Điều 9 để xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện, đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định về thời hạn nộp thuế tại khoản 4 Điều 55 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.</p> <p>(3) Bổ sung quy định đối với các trường hợp sau để xử lý vướng mắc trong thực tế, đảm bảo phù hợp với quy định về thời hạn nộp thuế tại khoản 4 Điều 55 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, khoản 6 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ: Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị ấn định thuế nhưng người khai thuế không kê khai trên tờ khai hải quan hoặc có kê khai trên tờ khai hải quan nhưng tờ khai hải quan bị hủy theo quy định của pháp luật về hải quan; hàng hóa nhập khẩu đã qua gia công, sản xuất không còn nguyên hạng như khi nhập khẩu ban đầu; hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế được cầm cố, thế chấp làm tài sản đảm bảo các khoản vay do người khai thuế không có khả năng trả nợ bị tổ chức tín dụng xử lý theo quy định của pháp luật; hàng hóa nhập khẩu bị kê biên để bán đấu giá theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án thuộc các trường hợp phải nộp thuế, thời hạn nộp thuế là ngày ký ban hành quyết định ấn định thuế.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 như sau:</p> <p>3. Thời hạn nộp thuế khai bổ sung, nộp số tiền thuế ấn định được áp dụng theo thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu;</p> <p>4. Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa phải phân tích, giám định để xác định chính xác số tiền thuế phải nộp; hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan; hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>5. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị ấn định thuế nhưng người khai thuế không kê khai trên tờ khai hải quan hoặc có kê khai trên tờ khai hải quan nhưng tờ khai hải quan bị hủy theo quy định của pháp luật về hải quan; hàng hóa nhập khẩu đã qua gia công, sản xuất không còn nguyên hạng như khi nhập khẩu ban đầu; hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế được cầm cố, thế chấp làm tài sản đảm bảo các khoản vay do người khai thuế không có khả năng trả nợ bị tổ chức tín dụng xử lý theo quy định của pháp luật; hàng hóa nhập khẩu bị kê biên để bán đấu giá theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án thuộc các trường hợp phải nộp thuế, thời hạn nộp thuế là ngày ký ban hành quyết định ấn định thuế.</p> <p>6. Trường hợp ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế, hàng hóa khác thuộc nhiều tờ khai hải quan khác nhau nhưng vẫn còn nguyên trạng khi nhập khẩu, cơ quan hải quan không xác định được chính xác số lượng hàng hóa theo từng tờ khai nhập khẩu thì tờ khai để áp dụng thời hạn nộp tiền thuế ấn định là</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		<p>hành quyết định ấn định thuế.</p> <p>(4) Bổ sung quy định đối với các trường hợp sau để xử lý vướng mắc trong thực tế, đảm bảo phù hợp với quy định về thời hạn nộp thuế tại khoản 4 Điều 55 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, khoản 6 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ:</p> <p>- Trường hợp ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế, hàng hóa khác thuộc nhiều tờ khai hải quan khác nhau nhưng vẫn còn nguyên trạng khi nhập khẩu, cơ quan hải quan không xác định được chính xác số lượng hàng hóa theo từng tờ khai nhập khẩu thì tờ khai để áp dụng thời hạn nộp tiền thuế ấn định là tờ khai nhập khẩu cuối cùng có mặt hàng bị ấn định thuế trong thời kỳ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.</p> <p>- Trường hợp mặt hàng bị ấn định thuế của tờ khai nhập khẩu cuối cùng có số lượng hàng hóa nhỏ hơn số lượng hàng hóa bị ấn định thuế thì số lượng hàng hóa bị ấn định thuế chênh lệch được tính theo thời hạn nộp thuế của tờ khai liền kề trước đó theo cùng loại hình nhập khẩu có cùng mặt hàng bị ấn định thuế.</p>	<p><i>tờ khai nhập khẩu cuối cùng có mặt hàng bị ấn định thuế trong thời kỳ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.</i></p> <p><i>Trường hợp mặt hàng bị ấn định thuế của tờ khai nhập khẩu cuối cùng có số lượng hàng hóa nhỏ hơn số lượng hàng hóa bị ấn định thuế thì số lượng hàng hóa bị ấn định thuế chênh lệch được tính theo thời hạn nộp thuế của tờ khai liền kề trước đó theo cùng loại hình nhập khẩu có cùng mặt hàng bị ấn định thuế.</i></p>
	Điều 16. Miễn thuế		
	<p>4. Hàng hóa được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p>	<p>Trong thực tế phát sinh các trường hợp hàng hóa thuộc các hợp đồng của các doanh nghiệp Việt Nam liên doanh với các doanh nghiệp nước ngoài, trong đó quy định các điều kiện miễn thuế cao hơn quy định của Luật thuế xuất nhập khẩu. Trước khi hợp đồng có hiệu lực thì chính phủ đã thực hiện cam kết bảo lãnh trong suốt quá trình thực hiện của hợp đồng (Ví dụ: Các hợp đồng liên doanh khai thác dầu khí lô 06.1, lọc hóa dầu Nghi Sơn...). Do đó, cần bổ sung quy định đối với các dự án đã được Chính phủ cam kết bảo lãnh (GGU) thì được miễn thuế nhập khẩu trong suốt thời hạn thực hiện hợp đồng.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:</p> <p>4. Hàng hóa được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, <i>hàng hóa thuộc các hợp đồng liên doanh của doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp nước ngoài đã được Chính phủ ký kết Thỏa thuận về Cam kết bảo lãnh của Chính phủ (GGU - Government Guarantees and Undertakings Agreement).</i></p>
	<p>5. Hàng hóa có trị giá hoặc có số tiền thuế phải nộp dưới mức tối thiểu.</p>	<p>Thực tế phát sinh các trường hợp:</p> <p>- Tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP thì hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyên phát nhanh có trị giá dưới 1 triệu</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:</p> <p>5. Hàng hóa có trị giá hoặc có số tiền thuế phải nộp dưới mức tối thiểu <i>theo quy định của Chính phủ.</i></p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		<p>đồng hoặc có tổng số tiền thuế nhập khẩu phải nộp dưới 100 nghìn đồng được miễn thuế nhập khẩu.</p> <p>- Tại quy định tại dự thảo Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử thì hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử có trị giá dưới 2 triệu đồng hoặc có tổng số tiền thuế nhập khẩu phải nộp dưới 200 nghìn đồng được miễn thuế nhập khẩu không quá 1 lần/ngày và không quá 4 lần/tháng.</p> <p>Do đó, cần bổ sung quy định đối với hàng hóa có trị giá hoặc có số tiền thuế phải nộp dưới mức tối thiểu thực hiện theo quy định của Chính phủ để đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện.</p>	
	<p>6. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn vào sản phẩm gia công; sản phẩm gia công xuất khẩu.</p> <p>Sản phẩm gia công xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư trong nước có thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư trong nước tương ứng cấu thành trong sản phẩm xuất khẩu.</p> <p>Hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu được miễn thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu tính trên phần trị giá của nguyên vật liệu xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công. Đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thì không được miễn thuế.</p>	<p>(1) Tại điểm a khoản 6: Trong thực tế hoạt động gia công cho thương nhân nước ngoài có thể tạo ra sản phẩm xuất khẩu hoặc bán thành phẩm hoặc chỉ tham gia một công đoạn sản xuất. Do đó, bổ cụm từ “<i>sản phẩm xuất khẩu</i>”, thay thế bằng cụm từ “<i>cho thương nhân nước ngoài</i>”. Đồng thời, bổ sung quy định chi tiết hàng hóa nhập khẩu để gia công được miễn thuế bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa nhập khẩu không sử dụng để mua bán, trao đổi hoặc tiêu dùng mà chỉ dùng làm hàng mẫu; - Máy móc, thiết bị nhập khẩu được thỏa thuận trong hợp đồng gia công để thực hiện gia công; - Linh kiện, phụ tùng nhập khẩu để bảo hành cho sản phẩm gia công xuất khẩu được thể hiện trong hợp đồng gia công hoặc phụ lục hợp đồng gia công và được quản lý như nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công. <p>(2) Tại điểm c khoản 6: Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định miễn thuế đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công được phép tiêu hủy và thực tế đã tiêu hủy theo quy định của pháp luật hải quan. Hiện nay nội dung này đang được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công được phép tiêu hủy và thực tế đã tiêu hủy</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:</p> <p>6. Hàng hóa nhập khẩu để gia công cho thương nhân nước ngoài được miễn thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu, bao gồm:</p> <p>a) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công cho thương nhân nước ngoài sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn vào sản phẩm gia công; hàng hóa nhập khẩu không sử dụng để mua bán, trao đổi hoặc tiêu dùng mà chỉ dùng làm hàng mẫu; máy móc, thiết bị nhập khẩu được thỏa thuận trong hợp đồng gia công để thực hiện gia công; linh kiện, phụ tùng nhập khẩu để bảo hành cho sản phẩm gia công xuất khẩu được thể hiện trong hợp đồng gia công hoặc phụ lục hợp đồng gia công và được quản lý như nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công.</p> <p>b) Sản phẩm gia công xuất khẩu được miễn thuế xuất khẩu. Trường hợp sản phẩm gia công xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư trong nước có thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư trong nước tương ứng cấu thành trong sản phẩm xuất khẩu.</p> <p>c) Hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công được phép tiêu hủy và thực tế đã tiêu hủy theo quy định của pháp luật hải quan được miễn thuế</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		<p>theo quy định của pháp luật hải quan được miễn thuế nhập khẩu.</p> <p>(3) Tại điểm d khoản 6: Bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu để gia công; phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công xuất trả cho bên nước ngoài đặt gia công được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, để đảm bảo minh bạch và xử lý vướng mắc trong thực tế.</p> <p>(4) Tại điểm đ khoản 6: Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu tại chỗ để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu tại chỗ. Hiện nội dung này đang được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm g, điểm h khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung theo hướng hàng hóa nhập khẩu tại chỗ để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu tại chỗ được áp dụng chính sách thuế tương tự hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu.</p> <p>(5) Tại điểm e khoản 6: Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định chính sách thuế đối với phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công khi chuyển tiêu thụ nội địa. Hiện nội dung này đang được quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung quy định miễn thuế đối với phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công khi chuyển tiêu thụ nội địa.</p> <p>(6) Tại điểm g khoản 6: Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định việc xử lý đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công xuất khẩu nhưng sản phẩm không được xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu dư thừa không xuất khẩu. Hiện nội dung này đang được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung quy định về xử lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công xuất khẩu nhưng sản phẩm không được xuất khẩu hoặc</p>	<p><i>nhập khẩu.</i></p> <p><i>d) Hàng hóa nhập khẩu để gia công; phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công xuất trả cho bên nước ngoài đặt gia công được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.</i></p> <p><i>đ) Nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê, mượn để gia công; sản phẩm gia công khi xuất khẩu tại chỗ được áp dụng chính sách thuế như đối với hàng hóa gia công xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, khi nhập khẩu tại chỗ được áp dụng chính sách thuế như hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài, nhập khẩu từ khu phi thuế quan để gia công.</i></p> <p><i>e) Phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công khi chuyển tiêu thụ nội địa được miễn thuế nhập khẩu, người nộp thuế không phải làm thủ tục hải quan nhưng phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế.</i></p> <p><i>g) Hàng hóa nhập khẩu để gia công xuất khẩu nhưng sản phẩm không được xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu dư thừa không xuất khẩu, người nộp thuế phải đăng ký tờ khai hải quan mới, kê khai nộp thuế với cơ quan hải quan theo mức thuế suất và trị giá tính thuế của hàng hóa nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới, trừ trường hợp làm quà biếu, quà tặng theo quy định tại khoản 2 Điều này.</i></p> <p><i>h) Hàng hóa nhập khẩu để gia công được biếu tặng cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam:</i></p> <p><i>Trường hợp người được biếu tặng là bên nhận gia công được thỏa thuận trong hợp đồng gia công hoặc phụ lục hợp đồng gia công hoặc văn bản thông báo của bên đặt gia công thì người được biếu tặng đăng ký tờ khai hải quan mới, chính sách thuế trên tờ khai hải quan mới thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là quà biếu, quà tặng.</i></p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		<p>hàng hóa nhập khẩu dư thừa không xuất khẩu.</p> <p>(7) Tại điểm h khoản 6: Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định việc xử lý đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công được biểu tặng cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam. Hiện nội dung này đang được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung quy định về xử lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công được biểu tặng cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam.</p> <p>(8) Tại điểm i khoản 6: Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định về chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công cho thương nhân nước ngoài, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu ra nước ngoài để thuê gia công lại. Hiện nội dung này đang được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung quy định theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công cho thương nhân nước ngoài, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu ra nước ngoài để thuê gia công lại thì được miễn thuế xuất khẩu - Đối với sản phẩm gia công nhập khẩu phải nộp thuế nhập khẩu theo mức thuế suất của sản phẩm nhập khẩu, trị giá tính thuế nhập khẩu được trừ trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu (không bao gồm các chi phí để xuất khẩu nguyên liệu, vật tư ra nước ngoài thuê gia công lại) cấu thành trong sản phẩm gia công nhập khẩu trở lại. <p>(9) Tại điểm k khoản 6: Thực tế phát sinh trường hợp tổ chức, cá nhân không có cơ sở sản xuất (thuê chung cư 40m²) nhưng vẫn được phép ký hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài, sau khi nhập khẩu nguyên liệu thì tổ chức, cá nhân thuê đơn vị khác trong nước để gia công, gây khó khăn cho công tác quản lý của cơ quan hải quan. Do đó, cần thiết bổ sung quy định theo hướng hàng hóa nhập khẩu để gia công được miễn thuế nhập khẩu quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản này, tổ chức, cá</p>	<p><i>Trường hợp người được biểu tặng là tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam theo văn bản chỉ định của bên đặt gia công, bên nhận gia công làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ, người được biểu tặng làm thủ tục nhập khẩu tại chỗ, chính sách thuế trên tờ khai hải quan nhập khẩu tại chỗ thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là quà biếu, quà tặng.</i></p> <p><i>i) Hàng hóa nhập khẩu để gia công cho thương nhân nước ngoài, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu ra nước ngoài để thuê gia công lại được miễn thuế xuất khẩu.</i></p> <p><i>Sản phẩm gia công nhập khẩu phải nộp thuế nhập khẩu theo mức thuế suất của sản phẩm nhập khẩu, trị giá tính thuế nhập khẩu được trừ trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu (không bao gồm các chi phí để xuất khẩu nguyên liệu, vật tư ra nước ngoài thuê gia công lại) cấu thành trong sản phẩm gia công nhập khẩu trở lại.</i></p> <p><i>Ghi chú: Cần xin ý kiến các Bộ ngành nội dung này.</i></p> <p><i>k) Hàng hóa nhập khẩu để gia công được miễn thuế nhập khẩu quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản này, tổ chức, cá nhân phải có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng cơ sở gia công trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp với hàng hóa nhận gia công cho thương nhân nước ngoài.</i></p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		<p>nhân phải có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng cơ sở gia công trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp với hàng hóa nhận gia công cho thương nhân nước ngoài.</p>	
	<p>Bổ sung khoản 6a.</p>	<p>(1) Theo quy định tại Điều 52 Luật Quản lý ngoại thương có quy định về đặt gia công ở nước ngoài như sau:</p> <p><i>“1. Thương nhân được đặt gia công ở nước ngoài hàng hóa lưu thông hợp pháp.</i></p> <p><i>2. Việc xuất khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư để gia công và nhập khẩu sản phẩm gia công thực hiện theo quy định về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</i></p> <p><i>3. Thương nhân thực hiện nghĩa vụ về thuế đối với việc nhập khẩu sản phẩm gia công phục vụ tiêu dùng trong nước theo quy định của pháp luật về thuế.”</i></p> <p>Do đó, cần bổ sung khoản 6a quy định:</p> <p>a) Máy móc, thiết bị xuất khẩu để phục vụ hợp đồng gia công ở nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu.</p> <p>Đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công là nguyên liệu, phụ liệu, vật tư thuộc danh mục các mặt hàng chịu thuế xuất khẩu theo quy định của Chính phủ thì không được miễn thuế xuất khẩu.</p> <p>b) Sản phẩm gia công nhập khẩu được miễn thuế nhập khẩu tính trên phần trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công (không bao gồm tiền thuế xuất khẩu và các chi phí khác để thực hiện hợp đồng gia công).</p> <p>Trường hợp sau khi nộp thuế nhập khẩu, hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến và được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, được hoàn lại số tiền thuế đã nộp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.</p> <p>(2) Bỏ quy định về không miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên. Lý do: Trên thực tế việc xác định tỷ lệ</p>	<p>Bổ sung khoản 6a như sau:</p> <p>6a. Hàng hóa xuất khẩu đặt gia công ở nước ngoài, sản phẩm gia công nhập khẩu được miễn thuế bao gồm:</p> <p>a) Máy móc, thiết bị xuất khẩu để phục vụ hợp đồng gia công ở nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu.</p> <p>Đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công là nguyên liệu, phụ liệu, vật tư thuộc danh mục các mặt hàng chịu thuế xuất khẩu theo quy định của Chính phủ thì không được miễn thuế xuất khẩu.</p> <p>b) Sản phẩm gia công nhập khẩu được miễn thuế nhập khẩu tính trên phần trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công (không bao gồm tiền thuế xuất khẩu và các chi phí khác để thực hiện hợp đồng gia công).</p> <p>Trường hợp sau khi nộp thuế nhập khẩu, hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến và được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, được hoàn lại số tiền thuế đã nộp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.</p> <p>Hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu được miễn thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu tính trên phần trị giá của nguyên vật liệu xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công. Đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thì không được miễn thuế.</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		51% không thể thực hiện được, gây khó khăn cho doanh nghiệp.	
	7. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu.	<p>(1) Tại điểm a, b, c, d, đ: Bổ sung quy định chi tiết về các mặt hàng nhập khẩu để SXKK được miễn thuế bao gồm: Nguyên liệu, vật tư; sản phẩm hoàn chỉnh; linh kiện, phụ tùng NK để bảo hành; hàng mẫu; hàng hóa được phép tiêu hủy để đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện (hiện nay các đối tượng này đang được quy định khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP)</p> <p>(2) Tại điểm e, g: Bổ sung các quy định về hàng hóa nhập SXKK được thuế DNCX gia công lại, thuế nước ngoài gia công lại sau đó nhận sản phẩm để xuất khẩu.</p> <p>(3) Tại điểm h: Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân phải có cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu trên lãnh thổ Việt Nam, có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu để khắc phục tình trạng doanh nghiệp không có cơ sở sản xuất nhưng vẫn nhập khẩu hàng hóa để SXKK sau đó thuê gia công lại trong nước, cơ quan hải quan không quản lý được.</p> <p>(4) Tại điểm i: Bổ sung quy định trường hợp hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu quy định tại điểm a khoản này thuê doanh nghiệp khác trong nội địa gia công lại một phần hoặc toàn bộ các công đoạn của sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu nhưng tổ chức, cá nhân nhập khẩu không có cơ sở sản xuất giao toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho tổ chức thuộc sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của người nộp thuế sản xuất sản phẩm sau đó nhận lại sản phẩm để xuất khẩu thì thực hiện theo quy định của Chính phủ (hiện nay nội dung này đang được quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 18/2021/NĐ-CP, cần thiết phải bổ sung vào Luật để đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện)</p> <p>(5) Tại điểm k: Bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu được miễn thuế theo quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sản phẩm được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan (đối với TH xuất khẩu tại chỗ cho một DN khác trong</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:</p> <p>7. Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu, bao gồm:</p> <p><i>a) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Nguyên liệu, vật tư (bao gồm cả vật tư làm bao bì hoặc bao bì để đóng gói sản phẩm xuất khẩu), linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu trực tiếp cấu thành sản phẩm xuất khẩu hoặc tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng không trực tiếp chuyển hóa thành hàng hóa;</i></p> <p><i>b) Sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để đóng gói, dán nhãn hoặc gắn, lắp ráp vào sản phẩm xuất khẩu hoặc đóng chung thành mặt hàng đồng bộ với sản phẩm xuất khẩu;</i></p> <p><i>c) Linh kiện, phụ tùng nhập khẩu để bảo hành cho sản phẩm xuất khẩu;</i></p> <p><i>d) Hàng hóa nhập khẩu không sử dụng để mua bán, trao đổi hoặc tiêu dùng mà chỉ dùng làm hàng mẫu;</i></p> <p><i>đ) Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu được phép tiêu hủy tại Việt Nam và thực tế đã tiêu hủy.</i></p> <p><i>e) Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu vào doanh nghiệp trong khu phi thuế quan để thuê gia công lại được miễn thuế xuất khẩu. Quá trình gia công lại không sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước sản phẩm gia công được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều này.</i></p> <p><i>Trường hợp quá trình gia công lại trong khu phi thuế quan có sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp</i></p>
		sản xuất xuất khẩu được miễn thuế theo quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sản phẩm được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan (đối với TH xuất khẩu tại chỗ cho một DN khác trong	

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		<p>nội địa thì không đáp ứng điều kiện miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để SX XK)</p>	<p><i>khi nhập khẩu vào thị trường trong nước phải nộp thuế nhập khẩu theo mức thuế suất của sản phẩm, không tính vào trị giá tính thuế đối với trị giá hàng hóa doanh nghiệp nội địa đưa đi gia công lại. Sau khi nộp thuế nhập khẩu, hàng hóa được xuất khẩu nguyên trạng ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, được hoàn lại số tiền thuế đã nộp điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.</i></p> <p><i>g) Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu ra nước ngoài để thuê gia công lại được miễn thuế xuất khẩu.</i></p> <p><i>Sản phẩm gia công nhập khẩu phải nộp thuế nhập khẩu theo mức thuế suất của sản phẩm nhập khẩu, trị giá tính thuế nhập khẩu được trừ trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu cấu thành trong sản phẩm gia công nhập khẩu trở lại. Trường hợp sau khi nộp thuế nhập khẩu, hàng hóa được xuất khẩu nguyên trạng ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, được hoàn lại số tiền thuế đã nộp điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.</i></p> <p><i>h) Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu quy định tại điểm a khoản này, tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để sản xuất xuất khẩu phải có cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu trên lãnh thổ Việt Nam, có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu.</i></p> <p><i>i) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu quy định tại điểm a khoản này thuê doanh nghiệp khác trong nội địa gia công lại một phần hoặc toàn bộ các công đoạn của sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu nhưng tổ chức, cá nhân nhập khẩu không có cơ sở sản xuất giao toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho tổ chức thuộc sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của người nộp thuế sản xuất sản phẩm sau đó nhận lại sản phẩm để xuất khẩu thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.</i></p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
			<p><i>k) Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu được miễn thuế theo quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sản phẩm được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan.</i></p>
	<p>8. Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào thị trường trong nước.</p>	<p>Trong thực tế hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài bao gồm các trường hợp:</p> <p>a) Sử dụng nguyên liệu tại chỗ trong khu phi thuế quan. Ví dụ DNCX sử dụng gỗ trồng trong khu phi thuế quan để đóng thành bàn ghế sau đó bán vào thị trường trong nước thì được miễn thuế nhập khẩu. Do đó, cần thiết bổ sung quy định hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp của doanh nghiệp trong khu phi thuế quan sử dụng nguyên liệu, linh kiện có nguồn gốc trong khu phi thuế quan khi nhập khẩu vào thị trường trong nước được miễn thuế nhập khẩu.</p> <p>b) Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu nhưng đã qua một lần nhập khẩu vào thị trường trong nước, sau đó đưa vào DNCX để gia công lại</p> <p>Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào nội địa, sau đó doanh nghiệp nội địa thuê doanh nghiệp chế xuất gia công một phần hoặc toàn bộ sản phẩm, doanh nghiệp nội địa nhập khẩu sản phẩm trở lại nội địa để xuất khẩu ra nước ngoài, thì chưa có quy định rõ khi nhập khẩu trở lại nội địa doanh nghiệp nội địa có hay không phải nộp thuế nhập khẩu. Do đó, cần bổ sung quy định về chính sách thuế đối với trường hợp doanh nghiệp chế xuất gia công cho doanh nghiệp nội địa sử dụng toàn bộ hàng hóa (nguyên liệu, vật tư) do doanh nghiệp nội địa cung cấp, số nguyên liệu này có nguồn gốc nhập khẩu.</p> <p>Quá trình gia công lại không sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước sản phẩm gia công được miễn thuế nhập khẩu.</p> <p>Quá gia công lại có sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước phải nộp thuế nhập khẩu</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:</p> <p>8. Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào thị trường trong nước được miễn thuế, bao gồm:</p> <p><i>a) Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp của doanh nghiệp trong khu phi thuế quan sử dụng nguyên liệu, linh kiện có nguồn gốc trong khu phi thuế quan khi nhập khẩu vào thị trường trong nước được miễn thuế nhập khẩu.</i></p> <p><i>b) Hàng hóa nhập khẩu để gia công cho thương nhân nước ngoài, nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu vào doanh nghiệp trong khu phi thuế quan để thuê gia công lại được miễn thuế xuất khẩu.</i></p> <p><i>Quá trình gia công lại không sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước sản phẩm gia công được miễn thuế nhập khẩu.</i></p> <p><i>Quá trình gia công lại có sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước phải nộp thuế nhập khẩu theo mức thuế suất của sản phẩm nhập khẩu, trị giá tính thuế nhập khẩu được trừ trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu cấu thành trong sản phẩm gia công nhập khẩu trở lại. Trường hợp sau khi nộp thuế nhập khẩu, hàng hóa chưa sử dụng, gia công, chế biến và được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, được hoàn lại số tiền thuế đã nộp điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.</i></p>
		<p>Quá gia công lại có sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước phải nộp thuế nhập khẩu</p>	<p><i>c) Hàng hóa có nguồn gốc trong nước, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu vào doanh nghiệp trong khu phi thuế quan để thuê gia công được miễn thuế</i></p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		<p>theo mức thuế suất của sản phẩm nhập khẩu, trị giá tính thuế nhập khẩu được trừ trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu cấu thành trong sản phẩm gia công nhập khẩu trở lại.</p> <p>Trường hợp sau khi nộp thuế nhập khẩu, hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến và được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, được hoàn lại số tiền thuế đã nộp điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.</p> <p>c) Hiện nay chưa có quy định rõ đối với trường hợp DN nội địa sử dụng hàng hóa trong nước thuê DNCX gia công lại. Ví dụ doanh nghiệp trong nước sử dụng gỗ rừng trồng trong nước thuê DNCX đóng thành bàn ghế. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý cần thiết bổ sung quy định hàng hóa có nguồn gốc trong nước, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu vào doanh nghiệp trong khu phi thuế quan để thuế gia công được miễn thuế xuất khẩu; quá trình gia công lại không sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước sản phẩm gia công được miễn thuế nhập khẩu.</p>	<p><i>xuất khẩu. Quá trình gia công không sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp, khi nhập khẩu vào thị trường trong nước sản phẩm gia công được miễn thuế nhập khẩu.</i></p>
	<p>9. Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập trong thời hạn nhất định, bao gồm:</p> <p>a) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, sự kiện thể thao, văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác; máy móc, thiết bị tạm nhập, tái xuất để thử nghiệm, nghiên cứu phát triển sản phẩm; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định hoặc phục vụ gia công cho thương nhân nước ngoài, trừ trường hợp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất;</p>	<p>(1) Tại điểm a khoản 9 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành quy định máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định thì được miễn thuế nhập khẩu, xuất khẩu. Tuy nhiên, đối với “hàng hóa tạm nhập tái xuất tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định” chưa nêu rõ là công việc của chủ sở hữu hàng hóa hay của bên thứ ba. Do đó, cần bổ sung quy định là hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định của chủ sở hữu hàng hóa thì được miễn thuế nhập khẩu khi tạm nhập, miễn thuế xuất khẩu khi tạm xuất (đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất hoặc tạm xuất tái nhập để cho bên thứ ba thì phải nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu)</p> <p><i>Ghi chú: TCHQ đã có công văn hướng dẫn số 4837/TCHQ-TXNK ngày 21/7/2020</i></p> <p>(2) Đối với hàng hóa là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 9 như sau:</p> <p>9. Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập trong thời hạn nhất định, bao gồm:</p> <p>a) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, sự kiện thể thao, văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác; máy móc, thiết bị tạm nhập, tái xuất để thử nghiệm, nghiên cứu phát triển sản phẩm; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định của chủ sở hữu hàng hóa (không bao gồm bên thứ ba) hoặc phục vụ gia công cho thương nhân nước ngoài,</p> <p>trừ Trường hợp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất phải kê khai nộp thuế nhập khẩu trên toàn bộ trị giá hàng hóa tạm nhập, tạm xuất, việc xác định trị</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		<p>phép tạm nhập, tái xuất để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất theo quy định tại khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành, hàng hóa nêu trên không được miễn thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, không quy định rõ trị giá tính thuế được tính trên toàn bộ hàng hóa hay chỉ tính trên giá đi thuê, đi mượn. Do đó, để khắc phục tình trạng doanh nghiệp ký hợp đồng thuê, mượn dài hạn đến hết tuổi đời của hàng hóa đi thuê, mượn thì cần bổ sung quy định đối với hàng hóa là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất thì trị giá tính thuế là toàn bộ trị giá hàng hóa tạm nhập để đảm bảo bình đẳng với doanh nghiệp đi mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất với doanh nghiệp đi thuê, đi mượn.</p> <p>(3) Theo quy định tại khoản 14 Điều 4 Thông tư 69/2016/TT-BTC ngày 06/5/2016 của Bộ Tài chính quy định việc nộp thuế đối với nhiên liệu xăng dầu chứa trong phương tiện chuyên dụng tự hành hoặc không tự hành tạm nhập tái xuất (vừa là phương tiện tự hành hoặc không tự hành đến Việt Nam, vừa là thiết bị, máy móc nhập khẩu hoặc tạm nhập tái xuất phục vụ thi công công trình, dự án đầu tư) như sau:</p> <p>“a.1) Thực hiện kê khai trên tờ khai hải quan giấy và làm thủ tục nhập khẩu, nộp thuế đối với lượng xăng dầu dự kiến tiêu thụ tại Việt Nam;</p> <p>a.2) Thực hiện kê khai trên tờ khai hải quan giấy và làm thủ tục tạm nhập đối với lượng xăng dầu dự kiến tái xuất theo tàu, nộp thuế hoặc xuất trình chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với số tiền thuế tương ứng với số xăng dầu dự kiến tái xuất kèm theo văn bản cam kết sẽ thực hiện nộp đầy đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp (nếu có) khi hết thời hạn bảo lãnh. Điều kiện, thủ tục bảo lãnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Thông tư số 38/2015/TT-BTC;”</p> <p>Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung quy định đối với trường hợp phương tiện vận chuyển tạm nhập, tái xuất để thực hiện các dự án đầu tư, thi công, xây dựng lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất có mang theo nhiên liệu dự trữ là</p>	<p><i>giá hàng hóa theo quy định của pháp luật về hải quan.</i></p> <p><i>Trường hợp xăng, dầu chứa trong phương tiện chuyên dụng tự hành hoặc không tự hành tạm nhập tái xuất để thực hiện các dự án đầu tư, thi công, xây dựng lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất trong nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam thì phải kê khai, nộp đủ các loại thuế như đối với hàng hóa nhập khẩu. Khi tái xuất số xăng, dầu dự thừa không sử dụng hết được hoàn tiền thuế theo quy định về hoàn tiền thuế nộp thừa của pháp luật về quản lý thuế.</i></p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		<p>xăng, dầu thì phải kê khai, nộp đủ các loại thuế như đối với hàng hóa nhập khẩu. Khi tái xuất số nhiên liệu dư thừa không sử dụng hết được hoàn tiền thuế theo quy định về hoàn tiền thuế nộp thừa của pháp luật về quản lý thuế.</p>	
	<p>b) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm nhập để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài; hàng hóa tạm nhập, tái xuất để cung ứng cho tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam;</p>	<p>Trong thực tế phát sinh một số vướng mắc như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm nhập để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, khi tạm nhập có tờ khai hải quan nhưng khi tái xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng được gắn trên tàu bay, tàu biển, doanh nghiệp không còn hàng hóa để kê khai trên tờ khai tái xuất. - Trường hợp máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, khi tạm xuất có tờ khai hải quan nhưng khi tái nhập máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng được gắn trên tàu bay, tàu biển, doanh nghiệp không còn hàng hóa để kê khai trên tờ khai tái nhập. <p>Do đó, để xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thay thế cụm từ “tạm nhập” bằng cụm từ “đưa vào Việt Nam”, thay thế cụm từ “tạm xuất” bằng cụm từ “đưa ra nước ngoài”; tách riêng đối tượng miễn thuế là “hàng hóa đưa vào Việt Nam để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc đưa ra nước ngoài để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài” quy định tại khoản 9a, đồng thời bổ sung quy định về việc theo dõi, quyết toán số lượng hàng hóa được miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 9 như sau:</p> <p>b) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm nhập để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài; Hàng hóa tạm nhập, tái xuất để cung ứng cho tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam;</p> <p>Bổ sung khoản 9a Điều 16 như sau:</p> <p>9a. Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm nhập Hàng hóa đưa vào Việt Nam để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất đưa ra nước ngoài để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài. Việc theo dõi, quyết toán số lượng hàng hóa được miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.</p>
	<p>c) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế;</p>	<p>Theo quy định tại Điều 49 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 người bán hàng hóa phải có trách nhiệm bảo hành đối với sản phẩm bán ra trong thời hạn nhất định được quy định trên hợp đồng mua bán. Trong thời hạn bảo hành, các chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa, thay thế hàng hóa do người bán chịu.</p> <p>“Điều 49. Nghĩa vụ bảo hành hàng hoá</p> <p><i>1. Trường hợp hàng hoá mua bán có bảo hành thì bên bán phải chịu trách nhiệm bảo hành hàng hoá đó theo</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 9 như sau:</p> <p>c) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế theo thỏa thuận bảo hành ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa và đáp ứng điều kiện không làm thay đổi hình dáng, công dụng, đặc tính cơ bản của hàng hóa, toàn bộ các chi phí bảo hành, sửa chữa, thay thế do bên bán chịu thì được miễn thuế khi tạm nhập, khi tái xuất hoặc khi tạm xuất, khi tái nhập.</p> <p>Trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài,</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		<p><i>nội dung và thời hạn đã thỏa thuận.</i></p> <p>2. Bên bán phải thực hiện nghĩa vụ bảo hành trong thời gian ngắn nhất mà hoàn cảnh thực tế cho phép.</p> <p>3. Bên bán phải chịu các chi phí về việc bảo hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”</p> <p>Quy định tại điểm c khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa phân biệt hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế có hay không trong điều kiện bảo hành ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa. Do đó, cơ quan hải quan không có cơ sở để thu thuế đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế. Để xử lý vướng mắc trên thực tế, cần bổ sung quy định về xử lý thuế đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế bao gồm 3 trường hợp sau đây:</p> <p>(1) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế theo thỏa thuận bảo hành ghi trên hợp đồng được miễn thuế khi tạm nhập, khi tái xuất hoặc khi tạm xuất, khi tái nhập.</p> <p>(2) Trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, phải tạm nhập để sửa chữa, thay thế không theo thỏa thuận bảo hành ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa, các chi phí sửa chữa, thay thế do bên mua chịu, quá trình sửa chữa, thay thế có sử dụng nguyên liệu, vật tư trong nước thuộc danh mục các mặt hàng có thuế xuất khẩu thì khi tái xuất phải kê khai, nộp thuế xuất khẩu đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư trong nước cấu thành trong sản phẩm tái xuất theo thuế suất của nguyên liệu, vật tư.</p> <p>(3) Trường hợp hàng hóa đã nhập khẩu phải tạm xuất để sửa chữa, thay thế không theo thỏa thuận bảo hành ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa, các chi phí sửa chữa, thay thế do bên mua chịu, quá trình sửa chữa, thay thế có sử dụng nguyên liệu, vật tư thuộc danh mục các mặt hàng có thuế nhập khẩu thì khi tái nhập phải kê khai, nộp thuế nhập khẩu đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư cấu thành trong sản phẩm tái nhập theo thuế suất của</p>	<p><i>xuất khẩu vào khu phi thuế quan, phải tạm nhập để sửa chữa, thay thế không theo thỏa thuận bảo hành ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa, các chi phí sửa chữa, thay thế do bên mua chịu, quá trình sửa chữa, thay thế có sử dụng nguyên liệu, vật tư trong nước thuộc danh mục các mặt hàng có thuế xuất khẩu thì khi tái xuất phải kê khai, nộp thuế xuất khẩu đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư trong nước cấu thành trong sản phẩm tái xuất theo thuế suất của nguyên liệu, vật tư.</i></p> <p><i>Trường hợp hàng hóa đã nhập khẩu phải tạm xuất để sửa chữa, thay thế không theo thỏa thuận bảo hành ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa, các chi phí sửa chữa, thay thế do bên mua chịu, quá trình sửa chữa, thay thế có sử dụng nguyên liệu, vật tư thuộc danh mục các mặt hàng có thuế nhập khẩu thì khi tái nhập phải kê khai, nộp thuế nhập khẩu đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư cấu thành trong sản phẩm tái nhập theo thuế suất của nguyên liệu, vật tư.</i></p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		nguyên liệu, vật tư. <i>Ghi chú: TCHQ đã có công văn hướng dẫn số 7622/TCHQ-TXNK ngày 21/11/2017</i>	
	d) Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;	Luật thuế xuất nhập khẩu chưa quy định rõ phương tiện quay vòng bao gồm các loại phương tiện gì. Do đó, cần thiết bổ sung chi tiết các loại phương tiện để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở kế thừa quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 9 như sau: d) Phương tiện quay vòng Hàng hóa nhập khẩu là container rỗng có hoặc không có móc treo, bồn mềm lót trong container để chứa hàng lỏng; các phương tiện khác theo phương thức tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
	đ) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất trong thời hạn tạm nhập, tái xuất (bao gồm cả thời gian gia hạn) được tổ chức tín dụng bảo lãnh hoặc đã đặt cọc một khoản tiền tương đương số tiền thuế nhập khẩu của hàng hóa tạm nhập, tái xuất.	Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất có thể thuộc đối tượng chịu thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế BVMT. Tại điểm đ khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành quy định hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất trong thời hạn tạm nhập, tái xuất (bao gồm cả thời gian gia hạn) được tổ chức tín dụng bảo lãnh hoặc đã đặt cọc một khoản tiền tương đương số tiền thuế nhập khẩu của hàng hóa tạm nhập, tái xuất. Trường hợp hàng hóa có thuế suất thuế nhập khẩu 0% thì không phát sinh nghĩa vụ phải đặt cọc khoản tiền tương đương số tiền thuế nhập khẩu. Do đó, cần thiết bổ sung quy định tại điểm này theo hướng tổ chức tín dụng bảo lãnh hoặc đặt cọc một khoản tiền tương đương số tiền thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế BVMT của hàng hóa tạm nhập, tái xuất.	Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 9 như sau: đ) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất trong thời hạn tạm nhập, tái xuất (bao gồm cả thời gian gia hạn) được tổ chức tín dụng bảo lãnh hoặc đã đặt cọc một khoản tiền tương đương số tiền thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường của hàng hóa tạm nhập, tái xuất.
	11. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, bao gồm: a) Máy móc, thiết bị; linh kiện, chi Tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi Tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị; b) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án; c) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.	Trong thực tế có phát sinh trường hợp dự án được hưởng ưu đãi đầu tư nhưng hàng hóa không nhập khẩu từ nước ngoài mà được chuyển nhượng từ dự án khác trong nước, chuyển nhượng từ dự án của Công ty mẹ cho dự án của Công ty con, dự án của các đơn vị thành viên trong cùng một tập đoàn. Do đó, cần thiết cần bổ sung quy định này để xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện.	Sửa đổi, bổ sung khoản 11 như sau: 11. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, bao gồm: ... Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản này được áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng, dự án chuyển nhượng của công ty mẹ cho công ty con, dự án chuyển nhượng của các đơn vị thành viên trong cùng một tập đoàn.

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
	Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản này được áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.		
	Bổ sung khoản 11a.	<p>Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 6 Luật Đường sắt số 06/2017/QH14: “Được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện giao thông đường sắt, nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị cần thiết cho hoạt động đường sắt và vật tư cần thiết cho xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt mà trong nước chưa sản xuất được.”</p> <p>Căn cứ quy định nêu trên, đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ hoạt động đường sắt bao gồm cả “phụ tùng thay thế”, các đối tượng ưu đãi đầu tư khác không được miễn thuế đối với mặt hàng này. Do đó, cần thiết bổ sung tại Luật thuế xuất nhập khẩu để đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện</p> <p><i>Ghi chú: TCHQ đã có hướng dẫn tại công văn số 3550/TCHQ-TXNK ngày 02/6/2020</i></p>	<p>Bổ sung khoản 11a như sau:</p> <p>11a. Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ hoạt động đường sắt, bao gồm máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện giao thông đường sắt, nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị cần thiết cho hoạt động đường sắt và vật tư cần thiết cho xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt mà trong nước chưa sản xuất được.</p>
12.	Giống cây trồng; giống vật nuôi; phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong nước chưa sản xuất được, cần thiết nhập khẩu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.	Cụm từ “cần thiết” là thuật ngữ mang tính định tính. Do đó, cần sửa đổi cụm từ “cần thiết” thành cụm từ “được phép”.	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 12 như sau:</p> <p>12. Giống cây trồng; giống vật nuôi; phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong nước chưa sản xuất được, được phép nhập khẩu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p>
13.	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.	Tại khoản 13 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành quy định đối với dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì không được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, tại khoản 5 Điều 15 Luật đầu tư số 61/2020/QH14 không loại trừ dự án sản xuất ô tô thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Như vậy, theo quy định của pháp luật về đầu tư thì dự án sản xuất ô tô mặc dù chịu thuế TTĐB nhưng vẫn được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu. Do đó, cần thiết bổ sung cụm từ “trừ ô tô” tại khoản 13 Điều 16 Luật	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 13 như sau:</p> <p>13. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.</p>
	Việc miễn thuế nhập khẩu quy định tại khoản này không áp dụng đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản; dự án sản xuất sản phẩm có		Việc miễn thuế nhập khẩu quy định tại khoản này không áp dụng đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản; dự án sản xuất sản phẩm có tổng trị giá tài

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
	tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên; dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.	thuế xuất nhập khẩu để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 15 Luật đầu tư số 61/2020/QH14.	nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên; dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (<i>trừ ô tô</i>).
	14. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được của dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế được ưu tiên nghiên cứu, chế tạo được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất	Tại khoản 14 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành quy định “dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế được ưu tiên nghiên cứu, chế tạo được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất”. Tuy nhiên không quy định cơ quan nào có thẩm quyền xác nhận. Đề xử lý vướng mắc nêu trên, cần thiết bổ sung quy định làm rõ cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc ưu tiên nghiên cứu, chế tạo đối với dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế làm cơ sở miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được của dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế.	Sửa đổi, bổ sung khoản 14 như sau: 14. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được của dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế được Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận được ưu tiên nghiên cứu, chế tạo được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.
	15. Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ hoạt động dầu khí, bao gồm: a) Máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng cần thiết cho hoạt động dầu khí, bao gồm cả trường hợp tạm nhập, tái xuất; b) Linh kiện, chi Tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi Tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị cần thiết cho hoạt động dầu khí; c) Vật tư cần thiết cho hoạt động dầu khí trong nước chưa sản xuất được	Trong giai đoạn từ năm 1985 – 2006 thì một số dự án dầu khí có ký hợp đồng liên doanh với nước ngoài, tại hợp đồng liên doanh có quy định chi tiết về các mặt hàng được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Đối chiếu với quy định của Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành thì các thỏa thuận này cao hơn so với quy định của Luật thuế xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, các hợp đồng liên doanh với nước ngoài đã được Chính phủ cam kết bảo lãnh (GGU). Do đó, cần thiết bổ sung tại khoản 15 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu để phù hợp với thực tế phát sinh các hợp đồng dầu khí đã được Chính phủ cam kết bảo lãnh trong đó có cam kết về thuế.	Sửa đổi, bổ sung khoản 15 như sau: 15. Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ hoạt động dầu khí, bao gồm: a) Máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng cần thiết cho hoạt động dầu khí, bao gồm cả trường hợp tạm nhập, tái xuất; b) Linh kiện, chi Tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi Tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị cần thiết cho hoạt động dầu khí; c) Vật tư cần thiết cho hoạt động dầu khí trong nước chưa sản xuất được Các hợp đồng dầu khí đã được Chính phủ cam kết bảo lãnh thì được hưởng ưu đãi miễn thuế theo cam kết bảo lãnh của Chính phủ.
	19. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để bảo vệ môi trường, bao gồm: ...	Thực tế phát sinh vướng mắc hoạt động tái chế, xử lý chất thải phải sử dụng dung môi, hóa chất có nguồn gốc nhập khẩu hoặc mua trong nước, không phải từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải thì cơ quan hải quan chưa có	Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 19 như sau: b) Sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ 90% nguyên liệu thu được từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải.

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
	b) Sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải.	đủ cơ sở để miễn thuế xuất khẩu. Do đó, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 19 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu theo hướng quy định rõ tỷ lệ phần trăm đối với sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải.	
	Điều 17. Thủ tục miễn thuế		
	<p>1. Trường hợp quy định tại các khoản 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 18 Điều 16 của Luật này, người nộp thuế thực hiện thông báo hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu với cơ quan hải quan.</p> <p>2. Thủ tục miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.</p>	<p>Ngoài các trường hợp phải thông báo DMMT quy định tại các khoản 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 18 Điều 16 của Luật thuế xuất nhập khẩu, tại Nghị định 18/2021/NĐ-CP có quy định trường hợp hàng hóa là sản phẩm nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước phải thông báo DMMT. Do đó, cần bổ sung tại khoản 1 Điều 17 về các trường hợp hàng hóa phải thông báo DMMT với cơ quan hải quan theo quy định của Chính phủ.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:</p> <p>1. Các trường hợp phải thực hiện thông báo danh mục miễn thuế với cơ quan hải quan bao gồm:</p> <p>a) Các trường hợp quy định tại các khoản 4, 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 18 Điều 16 của Luật này, người nộp thuế thực hiện thông báo hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu với cơ quan hải quan.</p> <p>b) Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Thủ tục miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.</p>
	Điều 18. Giảm thuế		
	<p>1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan nếu bị hư hỏng, mất mát được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định chứng nhận thì được giảm thuế.</p> <p>Mức giảm thuế tương ứng với tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị hư hỏng, mất mát toàn bộ thì không phải nộp thuế.</p> <p>2. Thủ tục giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.</p>	<p>(1) Về quy định giảm thuế đối với hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, SXKK:</p> <p>- Trong thực tế phát sinh trường hợp hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu đã thông quan đưa về cơ sở sản xuất của người nộp thuế, trong quá trình sản xuất hàng hóa bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan (cháy, lũ lụt...). Do khoản 1 Điều 18 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định rõ đối với trường hợp này, các doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đề nghị cơ quan hải quan giảm thuế, do đó, cơ quan hải quan đã thực hiện ấn định thuế đối với toàn bộ hàng hóa bị thiệt hại do không đáp ứng điều kiện giảm thuế.</p> <p>- Về chế độ quản lý hải quan đối với hàng hóa gia công, SXKK hiện nay đang thực hiện theo các quy định sau đây:</p> <p>Căn cứ khoản 1 Điều 59 Luật Hải quan: “1. Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:</p> <p>1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan, hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Hải quan nếu bị hư hỏng, mất mát được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định chứng nhận thì được giảm thuế.</p> <p>Mức giảm thuế tương ứng với tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị hư hỏng, mất mát toàn bộ thì không phải nộp thuế.</p> <p>2. Thủ tục giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		<p>khi nhập khẩu, trong quá trình sản xuất ra sản phẩm cho đến khi sản phẩm được xuất khẩu hoặc thay đổi mục đích sử dụng.”</p> <p>Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP quy định: Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu được sử dụng để gia công, sản xuất sản phẩm đã xuất khẩu thì được miễn thuế nhập khẩu</p> <p>Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP quy định: Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu được sử dụng để sản xuất sản phẩm đã xuất khẩu thì được miễn thuế nhập khẩu.</p> <p>Như vậy, đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, SXKK bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan không thuộc đối tượng miễn thuế mà thuộc đối tượng giảm thuế theo quy định tại Điều 18 Luật thuế xuất nhập khẩu.</p> <p>Do đó, cần thiết bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 18 để xử lý vướng mắc trong thực tế theo hướng: Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan, <i>hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Hải quan</i> nếu bị hư hỏng, mất mát được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định chứng nhận thì được giảm thuế.</p> <p>(2) Về quy định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị hư hỏng, mất mát toàn bộ thì không phải nộp thuế:</p> <p>Tại khoản 1 Điều 18 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành đã quy định mức giảm thuế tương ứng với tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa. Theo đó, trường hợp tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa là 100% thì được giảm thuế toàn bộ. Do đó, đề xuất bỏ nội dung “Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị hư hỏng, mất mát toàn bộ thì không phải nộp thuế”.</p>	

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
	Điều 19. Hoàn thuế		
	<p>1. Các trường hợp hoàn thuế:</p> <p>a) Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu nhưng không có hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hoặc nhập khẩu, xuất khẩu ít hơn so với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu đã nộp thuế;</p>	<p>Thực tế phát sinh vướng mắc hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá trình chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan, đã nộp thuế nhập khẩu bị tịch thu sung công quỹ nhà nước. Tại Điều 19 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định đối với trường hợp này được hoàn thuế.</p> <p>Theo quy định tại điểm 1 khoản 4 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định hàng hóa nhập khẩu bị tịch thu để bán đấu giá thuộc sở hữu Nhà nước không phải nộp thuế.</p> <p>Do đó, để đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế và đảm bảo phù hợp với điểm 1 khoản 4 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, cần thiết phải bổ sung quy định về hoàn thuế đối với hàng hóa bị tịch thu để bán đấu giá thuộc sở hữu Nhà nước để xử lý vướng mắc trong thực tế.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:</p> <p>a) Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu nhưng không có hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hoặc nhập khẩu, xuất khẩu ít hơn so với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu đã nộp thuế; <i>hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá trình chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan, đã nộp thuế xuất khẩu, nhập khẩu bị tịch thu để bán đấu giá thuộc sở hữu Nhà nước.</i></p>
	<p>c) Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu nhưng hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu;</p>	<p>Bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế đã kê khai thay đổi mục đích sử dụng, nộp đủ các loại thuế để tiêu thụ nội địa nhưng được tái xuất nguyên trạng như khi kê khai thay đổi mục đích sử dụng, ra nước ngoài, tái xuất vào khu phi thuế quan thì được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp nhằm xử lý các vướng mắc trong thực tế.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:</p> <p>c) Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu nhưng hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất <i>ra nước ngoài, tái xuất vào khu phi thuế quan</i> được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu;</p> <p><i>Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế đã kê khai thay đổi mục đích sử dụng, nộp đủ các loại thuế để tiêu thụ nội địa nhưng được tái xuất nguyên trạng như khi kê khai thay đổi mục đích sử dụng, ra nước ngoài, tái xuất vào khu phi thuế quan thì được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu.</i></p>
	<p>d) Người nộp thuế đã nộp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm;</p>	<p>Trên thực tế phát sinh vướng mắc hàng hóa nhập khẩu để gia công, SXKK thuộc đối tượng miễn thuế, hàng hóa của DNCX thuộc đối tượng không chịu thuế nhưng người nộp thuế đã kê khai tờ khai hải quan mới, nộp đủ các loại thuế như đối với hàng hóa nhập khẩu lần đầu từ nước ngoài vào Việt Nam, sau đó đưa vào SXKK và đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.</p> <p>Quy định hiện hành tại điểm d khoản 1 Điều 19 chưa quy định hoàn thuế đối với trường hợp này. Do đó, để đảm</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:</p> <p>d) Người nộp thuế đã nộp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm <i>ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan.</i></p> <p><i>Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế đã kê khai thay đổi mục đích sử dụng, nộp đủ các loại thuế để tiêu thụ nội địa</i></p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	NỘI DUNG SỬA
		<p>bảo quyền lợi của người nộp thuế, cần thiết bổ sung quy định hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa được miễn thuế, không chịu thuế đã kê khai thay đổi mục đích sử dụng để tiêu thụ nội địa sau đó đưa vào sản xuất xuất khẩu vì hàng hóa thực tế đã được xuất khẩu ra nước ngoài.</p>	<p><i>nhưng được đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan thì được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp.</i></p>
	<p>đ) Người nộp thuế đã nộp thuế đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất, trừ trường hợp đi thuê để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất, khi tái xuất ra nước ngoài hoặc xuất vào khu phi thuế quan.</p> <p>Số tiền thuế nhập khẩu được hoàn lại xác định trên cơ sở trị giá sử dụng còn lại của hàng hóa khi tái xuất khẩu tính theo thời gian sử dụng, lưu lại tại Việt Nam. Trường hợp hàng hóa đã hết trị giá sử dụng thì không được hoàn lại thuế nhập khẩu đã nộp.</p> <p>Không hoàn thuế đối với số tiền thuế được hoàn dưới mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu thì hàng hóa đi thuê để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất khi tạm nhập phải kê khai nộp thuế.</p> <p>Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 Luật thuế xuất nhập khẩu thì số tiền thuế nhập khẩu được hoàn được xác định trên cơ sở trị giá sử dụng còn lại của hàng hóa khi tái xuất khẩu tính theo thời gian sử dụng, lưu lại tại Việt Nam.</p> <p>Thực tế phát sinh vướng mắc hàng hóa đi thuê để thực hiện dự án đầu tư, thi công lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất thì không thuộc sở hữu của doanh nghiệp Việt Nam do đó trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp đi thuê không tính khấu hao và không xác định được giá trị sử dụng của hàng hóa theo sổ sách kế toán. Do đó, bổ sung vào điểm đ nội dung quy định: <i>Giá trị sử dụng còn lại của hàng hóa khi tái xuất do doanh nghiệp tự xác định theo nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:</p> <p>đ) Người nộp thuế đã nộp thuế đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất, trừ trường hợp đi thuê để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất, khi tái xuất ra nước ngoài hoặc xuất vào khu phi thuế quan.</p> <p>Số tiền thuế nhập khẩu được hoàn lại xác định trên cơ sở trị giá sử dụng còn lại của hàng hóa khi tái xuất khẩu tính theo thời gian sử dụng, lưu lại tại Việt Nam. <i>Giá trị sử dụng còn lại của hàng hóa khi tái xuất do doanh nghiệp tự xác định theo nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.</i> Trường hợp hàng hóa đã hết trị giá sử dụng thì không được hoàn lại thuế nhập khẩu đã nộp.</p> <p>Không hoàn thuế đối với số tiền thuế được hoàn dưới mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ.</p>

DỰ THẢO

**LUẬT
THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về đối tượng chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, thời điểm tính thuế, biểu thuế, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Điều 2. Đối tượng chịu thuế

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam.
- Hàng hóa xuất khẩu từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan, hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.
- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.
- Đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp sau:
 - Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển;
 - Hàng hóa viện trợ nhân đạo, hàng hóa viện trợ không hoàn lại;
 - Hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan ra nước ngoài; hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hóa chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác. *Trường hợp hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu từ nước ngoài để bán cho doanh nghiệp chế xuất khác hoặc bán sang một nước, vùng lãnh thổ khác ngoài lãnh thổ Việt Nam, trên tờ khai nhập khẩu phải kê khai, nộp thuế nhập khẩu. Hàng hóa nhập khẩu sau khi tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu theo quy định tại điểm c khoản 1*

Điều 19 Luật này.¹

d) Phần dầu khí được dùng để trả thuế tài nguyên cho Nhà nước khi xuất khẩu.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 3. Người nộp thuế

1. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Tổ chức nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Người xuất cảnh, nhập cảnh có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, gửi hoặc nhận hàng hóa qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam.

4. Người được ủy quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế, bao gồm:

a) Đại lý làm thủ tục hải quan trong trường hợp được người nộp thuế ủy quyền nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế trong trường hợp nộp thuế thay cho người nộp thuế; *chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng.*²

c) Tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng trong *các* trường hợp: *Bảo lãnh, nộp thuế thay cho người nộp thuế; hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế, người nộp thuế cầm cố, thế chấp để làm tài sản bảo đảm các khoản vay,*

¹ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Căn cứ điểm c khoản 4 Điều 2 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu bao gồm: "*Hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan ra nước ngoài; hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hóa chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác;*"

Căn cứ khoản 10 Điều 4 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP quy định: "*Doanh nghiệp chế xuất là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trong khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chuyên sản xuất sản phẩm để xuất khẩu hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế.*"

Căn cứ các quy định nêu trên, DNCX chỉ được phép thực hiện các hoạt động liên quan đến sản xuất sản phẩm để xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu của DNCX để phục vụ hoạt động sản xuất sản phẩm xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế. Pháp luật hiện hành không quy định hàng hóa của DNCX nhập khẩu để bán cho doanh nghiệp chế xuất khác hoặc bán sang một nước, vùng lãnh thổ khác ngoài lãnh thổ Việt Nam thuộc đối tượng không chịu thuế. Do đó, để giải quyết vướng mắc đối với trường hợp DNCX nhập khẩu hàng hóa để kinh doanh như đã nêu trên thì cần thiết phải bổ sung quy định tại điểm c khoản 4 Điều 2 theo hướng: *Trường hợp hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu từ nước ngoài để bán cho doanh nghiệp chế xuất khác hoặc bán sang một nước, vùng lãnh thổ khác ngoài lãnh thổ Việt Nam, trên tờ khai nhập khẩu phải kê khai, nộp thuế nhập khẩu. Hàng hóa nhập khẩu sau khi tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.*

² Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Hiện nay theo quy định tại dự thảo Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử đã bổ sung đối tượng nộp thuế mới là "*chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng*". Do đó, cần thiết bổ sung đối tượng nộp thuế nêu trên tại Điều 3 Luật thuế xuất nhập khẩu.

người nộp thuế chưa kê khai tờ khai hải quan mới, nộp đủ thuế theo quy định của pháp luật về hải quan nhưng tổ chức tín dụng phải xử lý tài sản cầm cố, thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.³

d) Cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan bị cơ quan hải quan kê biên, bán đấu giá để cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế trong lĩnh vực hải quan, hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế bị kê biên, bán đấu giá theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án thuộc đối tượng phải nộp thuế.⁴

đ) đ) Người được chủ hàng hóa ủy quyền trong trường hợp hàng hóa là quà biếu, quà tặng của cá nhân; hành lý gửi trước, gửi sau chuyển đi của người xuất cảnh, nhập cảnh;

e) đ) Chi nhánh của doanh nghiệp được ủy quyền nộp thuế thay cho doanh nghiệp;

g) e) Người khác được ủy quyền nộp thuế thay cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

5. Người thu mua, vận chuyển hàng hóa trong định mức miễn thuế của cư dân biên giới nhưng không sử dụng cho sản xuất, tiêu dùng mà đem bán tại thị trường trong nước và thương nhân nước ngoài được phép kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở chợ biên giới theo quy định của pháp luật.

6. Người có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế nhưng sau đó có sự thay đổi và chuyển sang đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

³ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Căn cứ khoản 8 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định: “*Trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế, người khai thuế cầm cố, thế chấp để làm tài sản bảo đảm các khoản vay, người khai thuế chưa kê khai tờ khai hải quan mới, nộp đủ thuế theo quy định của pháp luật về hải quan nhưng tổ chức tín dụng phải xử lý tài sản cầm cố, thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ quy định tại điểm m khoản 4 Điều này thì tổ chức tín dụng có trách nhiệm nộp thuế thay cho người khai thuế.*”

Do đó, cần bổ sung đối tượng nộp thuế nêu trên tại Điều 3 Luật thuế xuất nhập khẩu để đảm bảo phù hợp với pháp luật về quản lý thuế.

⁴ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Căn cứ khoản 8 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định: “*Trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan bị cơ quan hải quan kê biên, bán đấu giá để cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế trong lĩnh vực hải quan, hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế bị kê biên, bán đấu giá theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án thuộc đối tượng phải nộp thuế thì cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá có nghĩa vụ trích nộp tiền thu được từ tiền bán hàng đấu giá để nộp tiền thuế đối với hàng hóa bị kê biên, bán đấu giá cho cơ quan hải quan.*”

Do đó, cần bổ sung đối tượng nộp thuế nêu trên tại Điều 3 Luật thuế xuất nhập khẩu để đảm bảo phù hợp với pháp luật về quản lý thuế.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khu phi thuế quan* là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thành lập theo quy định của pháp luật *xác nhận được hưởng chính sách thuế của khu phi thuế quan*, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện, hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.

Khu phi thuế quan bao gồm: Khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, kho ngoại quan, khu kinh tế thương mại đặc biệt và các khu vực kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

Trường hợp doanh nghiệp chế xuất không nằm trong khu chế xuất phải được ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan quy định tại Điều này.⁵

2. *Phương pháp tính thuế hỗn hợp* là việc áp dụng đồng thời phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm và phương pháp tính thuế tuyệt đối.

3. *Phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm* là việc xác định thuế theo phần trăm (%) của trị giá tính thuế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

4. *Phương pháp tính thuế tuyệt đối* là việc ấn định số tiền thuế nhất định trên một đơn vị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

5. *Thuế chống bán phá giá* là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình

⁵ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

- Tại khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định rõ khu phi thuế quan phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập và ghi rõ được hưởng chính sách thuế của khu phi thuế quan trên quyết định thành lập.

- Theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 10 Điều 2 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP:

"a) Khu chế xuất là khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục áp dụng đối với khu công nghiệp quy định tại Nghị định này.

Khu chế xuất được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo các quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan quy định tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

10. Doanh nghiệp chế xuất là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trong khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chuyên sản xuất sản phẩm để xuất khẩu hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

Doanh nghiệp chế xuất không nằm trong khu chế xuất được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo các quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu."

Căn cứ quy định nêu trên, khu chế xuất phải được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo quy định áp dụng với khu phi thuế quan. Đối với DNCX không nằm trong khu phi thuế quan cũng phải được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo quy định áp dụng với khu phi thuế quan. Như vậy, đối với DNCX nằm trong khu chế xuất thì không phải ngăn cách với khu vực bên ngoài vì việc ngăn cách với khu vực bên ngoài của DNCX nằm trong khu chế xuất trên thực tế không thể thực hiện được.

thành của ngành sản xuất trong nước.

6. *Thuế chống trợ cấp* là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.

7. *Thuế tự vệ* là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa quá mức vào Việt Nam gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.

Chương II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ, THỜI ĐIỂM TÍNH THUẾ VÀ BIỂU THUẾ

Điều 5. Căn cứ tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm

1. Số tiền thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được xác định căn cứ vào trị giá tính thuế và thuế suất theo tỷ lệ phần trăm (%) của từng mặt hàng tại thời điểm tính thuế.

2. Thuế suất đối với hàng hóa xuất khẩu được quy định cụ thể cho từng mặt hàng tại biểu thuế xuất khẩu. *Trường hợp hàng hóa xuất khẩu tại chỗ áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu như đối với hàng hóa xuất khẩu quy định tại khoản này.*⁶

Trường hợp hàng hóa xuất khẩu sang nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi về thuế xuất khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam thì thực hiện theo các thỏa thuận này.

3. Thuế suất đối với hàng hóa nhập khẩu gồm thuế suất ưu đãi, thuế suất ưu đãi đặc biệt, thuế suất thông thường và được áp dụng như sau:

⁶ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Tại Điều 5 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định về thuế suất thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu tại chỗ; chưa quy định về thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu tại chỗ. Do đó, cần bổ sung nội dung này tại Điều 5 theo hướng kế thừa các quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

- Tại khoản 2 Điều này: Bổ sung quy định áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu tại chỗ như đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Tại điểm a khoản 3 Điều này: Bổ sung quy định áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với 02 trường hợp: Hàng hóa nhập khẩu tại chỗ; hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không đáp ứng các điều kiện để hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt nhập khẩu tại chỗ từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.

- Tại điểm b khoản 3 Điều này: Bổ sung quy định áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan đáp ứng các điều kiện để hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt nhập khẩu tại chỗ từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.

a) Thuế suất ưu đãi áp dụng đối với *các trường hợp sau đây*: Hàng hóa nhập khẩu *é đáp ứng điều kiện* xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam; *hàng hóa nhập khẩu tại chỗ*; hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước *đáp ứng điều kiện* xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam; *hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không đáp ứng các điều kiện để hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt nhập khẩu tại chỗ từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.*

b) Thuế suất ưu đãi đặc biệt áp dụng đối với *các trường hợp sau đây*: Hàng hóa nhập khẩu *é đáp ứng điều kiện* xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam; hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu *tại chỗ* vào thị trường trong nước *đáp ứng điều kiện* xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam *và đáp ứng các điều kiện khác để hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt*; *hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan đáp ứng các điều kiện để hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt nhập khẩu tại chỗ từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.*

c) Thuế suất thông thường áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Thuế suất thông thường được quy định bằng 150% thuế suất ưu đãi của từng mặt hàng tương ứng. Trường hợp mức thuế suất ưu đãi bằng 0%, Thủ tướng Chính phủ căn cứ quy định tại Điều 10 của Luật này để quyết định việc áp dụng mức thuế suất thông thường.

Điều 6. Căn cứ tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối, phương pháp tính thuế hỗn hợp

1. Số tiền thuế áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được xác định căn cứ vào lượng hàng hóa thực tế xuất khẩu, nhập khẩu và mức thuế tuyệt đối quy định trên một đơn vị hàng hóa tại thời điểm tính thuế.

2. Số tiền thuế áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được xác định là tổng số tiền thuế theo tỷ lệ phần trăm và số tiền thuế tuyệt đối theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 của Luật này.

Điều 7. Thuế đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan

1. Hàng hóa nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và Điều 6 của Luật này.

2. Hàng hóa nhập khẩu, *nhập khẩu tại chỗ*⁷ ngoài hạn ngạch thuế quan áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối ngoài hạn ngạch do cơ quan có thẩm quyền tại khoản 1 Điều 11 của Luật này quy định.

Điều 8. Trị giá tính thuế, thời điểm tính thuế

1. Trị giá tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là trị giá hải quan theo quy định của Luật hải quan.

2. Thời điểm tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối trong hạn ngạch thuế quan nhưng được thay đổi về đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối trong hạn ngạch thuế quan theo quy định của pháp luật thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới.

Thời điểm đăng ký tờ khai hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.

Điều 9. Thời hạn nộp thuế

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế phải nộp thuế trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng hóa theo quy định của Luật hải quan, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế phải nộp thì được thông quan hoặc giải phóng hàng hóa nhưng phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế kể từ ngày được thông quan hoặc giải phóng hàng hóa đến ngày nộp thuế. Thời hạn bảo lãnh tối đa là 30 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Trường hợp đã được tổ chức tín dụng bảo lãnh nhưng hết thời hạn bảo lãnh mà người nộp thuế chưa nộp thuế và tiền chậm nộp thì tổ chức bảo lãnh có trách nhiệm nộp đủ thuế và tiền chậm nộp thay cho người nộp thuế.

2. Người nộp thuế được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật hải quan được thực hiện nộp thuế cho các tờ khai hải quan đã thông quan hoặc giải phóng hàng hóa trong tháng chậm nhất vào ngày thứ mười của tháng kế tiếp. Quá thời hạn này mà người nộp thuế chưa nộp thuế thì phải nộp đủ số tiền nợ thuế và tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế.

⁷ Bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu tại chỗ ngoài hạn ngạch thuế quan được áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối ngoài hạn ngạch do cơ quan có thẩm quyền tại khoản 1 Điều 11 của Luật này, để xử lý vướng mắc trong thực tế.

3. Thời hạn nộp thuế khai bổ sung, nộp số tiền thuế ấn định được áp dụng theo thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu;⁸

4. Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa phải phân tích, giám định để xác định chính xác số tiền thuế phải nộp; hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan; hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.⁹

5. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị ấn định thuế nhưng người khai thuế không kê khai trên tờ khai hải quan hoặc có kê khai trên tờ khai hải quan nhưng tờ khai hải quan bị hủy theo quy định của pháp luật về hải quan; hàng hóa nhập khẩu đã qua gia công, sản xuất không còn nguyên hạng như khi nhập khẩu ban đầu; hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế được cầm cố, thế chấp làm tài sản đảm bảo các khoản vay do người khai thuế không có khả năng trả nợ bị tổ chức tín dụng xử lý theo quy định của pháp luật; hàng hóa nhập khẩu bị kê biên để bán đấu giá theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án thuộc các trường hợp phải nộp thuế, thời hạn nộp thuế là ngày ký ban hành quyết định ấn định thuế.¹⁰

6. Trường hợp ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế, hàng hóa khác thuộc nhiều tờ khai hải quan khác nhau nhưng vẫn còn nguyên trạng khi nhập khẩu, cơ quan hải quan không xác định được chính

⁸ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa có quy định về thời hạn nộp thuế đối với trường hợp nộp thuế bổ sung; nộp số tiền thuế ấn định. Do đó, cần thiết bổ sung quy định tại Điều 9, đảm bảo phù hợp với quy định về thời hạn nộp thuế tại khoản 4 Điều 55 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, khoản 6 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

⁹ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa có quy định về thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa phải phân tích, giám định để xác định chính xác số tiền thuế phải nộp; hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan; hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan. Do đó, cần thiết bổ sung tại Điều 9 để xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện, đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định về thời hạn nộp thuế tại khoản 4 Điều 55 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

¹⁰ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định đối với các trường hợp sau để xử lý vướng mắc trong thực tế, đảm bảo phù hợp với quy định về thời hạn nộp thuế tại khoản 4 Điều 55 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, khoản 6 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ: Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị ấn định thuế nhưng người khai thuế không kê khai trên tờ khai hải quan hoặc có kê khai trên tờ khai hải quan nhưng tờ khai hải quan bị hủy theo quy định của pháp luật về hải quan; hàng hóa nhập khẩu đã qua gia công, sản xuất không còn nguyên hạng như khi nhập khẩu ban đầu; hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế được cầm cố, thế chấp làm tài sản đảm bảo các khoản vay do người khai thuế không có khả năng trả nợ bị tổ chức tín dụng xử lý theo quy định của pháp luật; hàng hóa nhập khẩu bị kê biên để bán đấu giá theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án thuộc các trường hợp phải nộp thuế, thời hạn nộp thuế là ngày ký ban hành quyết định ấn định thuế.

xác số lượng hàng hóa theo từng tờ khai nhập khẩu thì tờ khai để áp dụng thời hạn nộp tiền thuế ấn định là tờ khai nhập khẩu cuối cùng có mặt hàng bị ấn định thuế trong thời kỳ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Trường hợp mặt hàng bị ấn định thuế của tờ khai nhập khẩu cuối cùng có số lượng hàng hóa nhỏ hơn số lượng hàng hóa bị ấn định thuế thì số lượng hàng hóa bị ấn định thuế chênh lệch được tính theo thời hạn nộp thuế của tờ khai liền kề trước đó theo cùng loại hình nhập khẩu có cùng mặt hàng bị ấn định thuế.¹¹

Điều 10. Nguyên tắc ban hành biểu thuế, thuế suất

1. Khuyến khích nhập khẩu nguyên liệu, vật liệu, ưu tiên loại trong nước chưa đáp ứng nhu cầu; chú trọng phát triển lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ nguồn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường.

2. Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước và các cam kết về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Góp phần bình ổn thị trường và nguồn thu ngân sách nhà nước.

4. Đơn giản, minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế và thực hiện cải cách thủ tục hành chính về thuế.

5. Áp dụng thống nhất mức thuế suất đối với hàng hóa có cùng bản chất, cấu tạo, công dụng, có tính năng kỹ thuật tương tự; thuế suất thuế nhập khẩu giảm dần từ thành phẩm đến nguyên liệu thô; thuế suất thuế xuất khẩu tăng dần từ thành phẩm đến nguyên liệu thô.

Điều 11. Thẩm quyền ban hành biểu thuế, thuế suất

1. Chính phủ căn cứ quy định tại Điều 10 của Luật này, Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất thuế xuất khẩu đối với từng nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Luật này, Biểu thuế ưu đãi cam kết tại Nghị định thư gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã được Quốc hội phê chuẩn và các điều ước quốc tế khác mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên để ban hành:

a) Biểu thuế xuất khẩu; Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi;

b) Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt;

¹¹ Bổ sung quy định đối với các trường hợp sau để xử lý vướng mắc trong thực tế, đảm bảo phù hợp với quy định về thời hạn nộp thuế tại khoản 4 Điều 55 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, khoản 6 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ:

- Trường hợp ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế, hàng hóa khác thuộc nhiều tờ khai hải quan khác nhau nhưng vẫn còn nguyên trạng khi nhập khẩu, cơ quan hải quan không xác định được chính xác số lượng hàng hóa theo từng tờ khai nhập khẩu thì tờ khai để áp dụng thời hạn nộp tiền thuế ấn định là tờ khai nhập khẩu cuối cùng có mặt hàng bị ấn định thuế trong thời kỳ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

- Trường hợp mặt hàng bị ấn định thuế của tờ khai nhập khẩu cuối cùng có số lượng hàng hóa nhỏ hơn số lượng hàng hóa bị ấn định thuế thì số lượng hàng hóa bị ấn định thuế chênh lệch được tính theo thời hạn nộp thuế của tờ khai liền kề trước đó theo cùng loại hình nhập khẩu có cùng mặt hàng bị ấn định thuế.

c) Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

2. Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất thuế xuất khẩu đối với từng nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Luật này.

3. Thẩm quyền áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ thực hiện theo quy định tại Chương III của Luật này.

Chương III

THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, THUẾ CHỐNG TRỢ CẤP, THUẾ TỰ VỆ

Điều 12. Thuế chống bán phá giá

1. Điều kiện áp dụng thuế chống bán phá giá:

a) Hàng hóa nhập khẩu bán phá giá tại Việt Nam và biên độ bán phá giá phải được xác định cụ thể;

b) Việc bán phá giá hàng hóa là nguyên nhân gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.

2. Nguyên tắc áp dụng thuế chống bán phá giá:

a) Thuế chống bán phá giá chỉ được áp dụng ở mức độ cần thiết, hợp lý nhằm ngăn ngừa hoặc hạn chế thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước;

b) Việc áp dụng thuế chống bán phá giá được thực hiện khi đã tiến hành điều tra và phải căn cứ vào kết luận điều tra theo quy định của pháp luật;

c) Thuế chống bán phá giá được áp dụng đối với hàng hóa bán phá giá vào Việt Nam;

d) Việc áp dụng thuế chống bán phá giá không được gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế - xã hội trong nước.

3. Thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá không quá 05 năm, kể từ ngày quyết định áp dụng có hiệu lực. Trường hợp cần thiết, quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá có thể được gia hạn.

Điều 13. Thuế chống trợ cấp

1. Điều kiện áp dụng thuế chống trợ cấp:

a) Hàng hóa nhập khẩu được xác định có trợ cấp theo quy định pháp luật;

b) Hàng hóa nhập khẩu là nguyên nhân gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành

sản xuất trong nước.

2. Nguyên tắc áp dụng thuế chống trợ cấp:

a) Thuế chống trợ cấp chỉ được áp dụng ở mức độ cần thiết, hợp lý nhằm ngăn ngừa hoặc hạn chế thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước;

b) Việc áp dụng thuế chống trợ cấp được thực hiện khi đã tiến hành điều tra và phải căn cứ vào kết luận điều tra theo quy định của pháp luật;

c) Thuế chống trợ cấp được áp dụng đối với hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam;

d) Việc áp dụng thuế chống trợ cấp không được gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế - xã hội trong nước.

3. Thời hạn áp dụng thuế chống trợ cấp không quá 05 năm, kể từ ngày quyết định áp dụng có hiệu lực. Trường hợp cần thiết, quyết định áp dụng thuế chống trợ cấp có thể được gia hạn.

Điều 14. Thuế tự vệ

1. Điều kiện áp dụng thuế tự vệ:

a) Khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa nhập khẩu gia tăng đột biến một cách tuyệt đối hoặc tương đối so với khối lượng, số lượng hoặc trị giá của hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước;

b) Việc gia tăng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm a khoản này gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.

2. Nguyên tắc áp dụng thuế tự vệ:

a) Thuế tự vệ được áp dụng trong phạm vi và mức độ cần thiết nhằm ngăn ngừa hoặc hạn chế thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước và tạo điều kiện để ngành sản xuất đó nâng cao khả năng cạnh tranh;

b) Việc áp dụng thuế tự vệ phải căn cứ vào kết luận điều tra, trừ trường hợp áp dụng thuế tự vệ tạm thời;

c) Thuế tự vệ được áp dụng trên cơ sở không phân biệt đối xử và không phụ thuộc vào xuất xứ hàng hóa.

3. Thời hạn áp dụng thuế tự vệ không quá 04 năm, bao gồm cả thời gian áp dụng thuế tự vệ tạm thời. Thời hạn áp dụng thuế tự vệ có thể được gia hạn không quá 06 năm tiếp theo, với điều kiện vẫn còn thiệt hại nghiêm trọng hoặc nguy cơ gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước và có bằng chứng chứng minh rằng ngành sản xuất đó đang điều chỉnh để nâng cao khả năng cạnh tranh.

Điều 15. Áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ

1. Việc áp dụng, thay đổi, bãi bỏ thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp và thuế tự vệ được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về chống bán phá giá, pháp luật về chống trợ cấp, pháp luật về tự vệ.

2. Căn cứ mức thuế, số lượng hoặc trị giá hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ, người khai hải quan có trách nhiệm kê khai và nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Bộ Công thương quyết định việc áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ.

4. Bộ Tài chính quy định việc kê khai, thu, nộp, hoàn trả thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ.

5. Trường hợp lợi ích của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bị xâm hại hay vi phạm, căn cứ vào các điều ước quốc tế, Chính phủ báo cáo Quốc hội quyết định áp dụng biện pháp thuế phòng vệ khác phù hợp.

Chương IV

MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ, HOÀN THUẾ

Điều 16. Miễn thuế

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam trong định mức phù hợp với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; hàng hóa trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế.

2. Tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng trong định mức của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc ngược lại.

Tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng có số lượng hoặc trị giá vượt quá định mức miễn thuế phải nộp thuế đối với phần vượt, trừ trường hợp đơn vị nhận là cơ quan, tổ chức được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động và được cơ quan có thẩm quyền cho phép tiếp nhận hoặc trường hợp vì mục đích nhân đạo, từ thiện.

3. Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của cư dân biên giới thuộc Danh mục hàng hóa và trong định mức để phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới.

Trường hợp thu mua, vận chuyển hàng hóa trong định mức nhưng không sử dụng cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài được phép kinh doanh ở chợ biên giới thì phải nộp thuế.

4. Hàng hóa được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, *hàng hóa thuộc*

các hợp đồng liên doanh của doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp nước ngoài đã được Chính phủ ký kết Thỏa thuận về Cam kết bảo lãnh của Chính phủ (GGU - Government Guarantees and Undertakings Agreement).¹²

5. Hàng hóa có trị giá hoặc có số tiền thuế phải nộp dưới mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ.¹³

6. Hàng hóa nhập khẩu để gia công cho thương nhân nước ngoài được miễn thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu, bao gồm:

a) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công cho thương nhân nước ngoài sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn vào sản phẩm gia công; hàng hóa nhập khẩu không sử dụng để mua bán, trao đổi hoặc tiêu dùng mà chỉ dùng làm hàng mẫu; máy móc, thiết bị nhập khẩu được thỏa thuận trong hợp đồng gia công để thực hiện gia công; linh kiện, phụ tùng nhập khẩu để bảo hành cho sản phẩm gia công xuất khẩu được thể hiện trong hợp đồng gia công hoặc phụ lục hợp đồng gia công và được quản lý như nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công.¹⁴

b) Sản phẩm gia công xuất khẩu được miễn thuế xuất khẩu. Trường hợp sản phẩm gia công xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư trong nước có thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư trong nước tương ứng cấu thành trong sản phẩm xuất khẩu.

¹² Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Trong thực tế phát sinh các trường hợp hàng hóa thuộc các hợp đồng của các doanh nghiệp Việt Nam liên doanh với các doanh nghiệp nước ngoài, trong đó quy định các điều kiện miễn thuế cao hơn quy định của Luật thuế xuất nhập khẩu. Trước khi hợp đồng có hiệu lực thì chính phủ đã thực hiện cam kết bảo lãnh trong suốt quá trình thực hiện của hợp đồng (Ví dụ: Các hợp đồng liên doanh khai thác dầu khí lô 06.1, lọc hóa dầu Nghi Sơn...). Do đó, cần bổ sung quy định đối với các dự án đã được Chính phủ cam kết bảo lãnh (GGU) thì được miễn thuế nhập khẩu trong suốt thời hạn thực hiện hợp đồng.

¹³ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Thực tế phát sinh các trường hợp:

- Tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP thì hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyên phát nhanh có trị giá dưới 1 triệu đồng hoặc có tổng số tiền thuế nhập khẩu phải nộp dưới 100 nghìn đồng được miễn thuế nhập khẩu.

- Tại quy định tại dự thảo Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử thì hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử có trị giá dưới 2 triệu đồng hoặc có tổng số tiền thuế nhập khẩu phải nộp dưới 200 nghìn đồng được miễn thuế nhập khẩu không quá 1 lần/ngày và không quá 4 lần/tháng.

Do đó, cần bổ sung quy định đối với hàng hóa có trị giá hoặc có số tiền thuế phải nộp dưới mức tối thiểu thực hiện theo quy định của Chính phủ để đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện.

¹⁴ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Trong thực tế hoạt động gia công cho thương nhân nước ngoài có thể tạo ra sản phẩm xuất khẩu hoặc bán thành phẩm hoặc chỉ tham gia một công đoạn sản xuất. Do đó, bỏ cụm từ “sản phẩm xuất khẩu”, thay thế bằng cụm từ “cho thương nhân nước ngoài”. Đồng thời, bổ sung quy định chi tiết hàng hóa nhập khẩu để gia công được miễn thuế bao gồm:

- Hàng hóa nhập khẩu không sử dụng để mua bán, trao đổi hoặc tiêu dùng mà chỉ dùng làm hàng mẫu;

- Máy móc, thiết bị nhập khẩu được thỏa thuận trong hợp đồng gia công để thực hiện gia công;

- Linh kiện, phụ tùng nhập khẩu để bảo hành cho sản phẩm gia công xuất khẩu được thể hiện trong hợp đồng gia công hoặc phụ lục hợp đồng gia công và được quản lý như nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công.

c) Hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công được phép tiêu hủy và thực tế đã tiêu hủy theo quy định của pháp luật hải quan được miễn thuế nhập khẩu.¹⁵

d) Hàng hóa nhập khẩu để gia công; phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công xuất trả cho bên nước ngoài đặt gia công được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.¹⁶

đ) Nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê, mượn để gia công; sản phẩm gia công khi xuất khẩu tại chỗ được áp dụng chính sách thuế như đối với hàng hóa gia công xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, khi nhập khẩu tại chỗ được áp dụng chính sách thuế như hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài, nhập khẩu từ khu phi thuế quan để gia công.¹⁷

e) Phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công khi chuyển tiêu thụ nội địa được miễn thuế nhập khẩu, người nộp thuế không phải làm thủ tục hải quan nhưng phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế.¹⁸

g) Hàng hóa nhập khẩu để gia công xuất khẩu nhưng sản phẩm không được xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu dư thừa không xuất khẩu, người nộp thuế phải đăng ký tờ khai hải quan mới, kê khai nộp thuế với cơ quan hải quan theo mức thuế suất và trị giá tính thuế của hàng hóa nhập khẩu tại thời

¹⁵ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định miễn thuế đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công được phép tiêu hủy và thực tế đã tiêu hủy theo quy định của pháp luật hải quan. Hiện nay nội dung này đang được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công được phép tiêu hủy và thực tế đã tiêu hủy theo quy định của pháp luật hải quan được miễn thuế nhập khẩu.

¹⁶ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu để gia công; phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công xuất trả cho bên nước ngoài đặt gia công được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, để đảm bảo minh bạch và xử lý vướng mắc trong thực tế.

¹⁷ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu tại chỗ để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu tại chỗ. Hiện nội dung này đang được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm g, điểm h khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung theo hướng hàng hóa nhập khẩu tại chỗ để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu tại chỗ được áp dụng chính sách thuế tương tự hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu.

¹⁸ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định chính sách thuế đối với phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công khi chuyển tiêu thụ nội địa. Hiện nội dung này đang được quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung quy định miễn thuế đối với phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công khi chuyển tiêu thụ nội địa.

điểm đăng ký tờ khai hải quan mới, trừ trường hợp làm quà biếu, quà tặng theo quy định tại khoản 2 Điều này.¹⁹

h) Hàng hóa nhập khẩu để gia công được biếu tặng cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam:²⁰

Trường hợp người được biếu tặng là bên nhận gia công được thỏa thuận trong hợp đồng gia công hoặc phụ lục hợp đồng gia công hoặc văn bản thông báo của bên đặt gia công thì người được biếu tặng đăng ký tờ khai hải quan mới, chính sách thuế trên tờ khai hải quan mới thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là quà biếu, quà tặng.

Trường hợp người được biếu tặng là tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam theo văn bản chỉ định của bên đặt gia công, bên nhận gia công làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ, người được biếu tặng làm thủ tục nhập khẩu tại chỗ, chính sách thuế trên tờ khai hải quan nhập khẩu tại chỗ thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là quà biếu, quà tặng.

i) Hàng hóa nhập khẩu để gia công cho thương nhân nước ngoài, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu ra nước ngoài để thuê gia công lại được miễn thuế xuất khẩu.

Sản phẩm gia công nhập khẩu phải nộp thuế nhập khẩu theo mức thuế suất của sản phẩm nhập khẩu, trị giá tính thuế nhập khẩu được trừ trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu (không bao gồm các chi phí để xuất khẩu nguyên liệu, vật tư ra nước ngoài thuê gia công lại) cấu thành trong sản phẩm gia công nhập khẩu trở lại.²¹

¹⁹ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định việc xử lý đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công xuất khẩu nhưng sản phẩm không được xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu dư thừa không xuất khẩu. Hiện nội dung này đang được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung quy định về xử lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công xuất khẩu nhưng sản phẩm không được xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu dư thừa không xuất khẩu.

²⁰ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định việc xử lý đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công được biếu tặng cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam. Hiện nội dung này đang được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung quy định về xử lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công được biếu tặng cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam.

²¹ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định về chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công cho thương nhân nước ngoài, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu ra nước ngoài để thuê gia công lại. Hiện nội dung này đang được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung quy định theo hướng:

- Đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công cho thương nhân nước ngoài, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu ra nước ngoài để thuê gia công lại thì được miễn thuế xuất khẩu
- Đối với sản phẩm gia công nhập khẩu phải nộp thuế nhập khẩu theo mức thuế suất của sản phẩm nhập khẩu, trị giá tính thuế nhập khẩu được trừ trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu (không bao gồm các chi phí để xuất khẩu nguyên liệu, vật tư ra nước ngoài thuê gia công lại) cấu thành trong sản phẩm gia công nhập khẩu trở lại.

Ghi chú: Cần xin ý kiến các Bộ, ngành về nội dung này.

k) Hàng hóa nhập khẩu để gia công được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản này, tổ chức, cá nhân phải có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng cơ sở gia công trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp với hàng hóa nhận gia công cho thương nhân nước ngoài.²²

6a. Hàng hóa xuất khẩu đặt gia công ở nước ngoài, sản phẩm gia công nhập khẩu được miễn thuế bao gồm:²³

a) Hàng hóa xuất khẩu đặt gia công ở nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu bao gồm: Máy móc, thiết bị để phục vụ hợp đồng gia công ở nước ngoài.

Đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công là nguyên liệu, phụ liệu, vật tư thuộc danh mục các mặt hàng chịu thuế xuất khẩu theo quy định của Chính phủ thì không được miễn thuế xuất khẩu.

b) Sản phẩm gia công nhập khẩu được miễn thuế nhập khẩu tính trên phần trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công (không bao gồm tiền thuế xuất khẩu và các chi phí khác để thực hiện hợp đồng gia công).

Trường hợp sau khi nộp thuế nhập khẩu, hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến và được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, được hoàn lại số tiền thuế đã nộp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.

~~Hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu được miễn thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu tính trên phần trị giá của nguyên vật liệu xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công. Đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản~~

²² Thực tế phát sinh trường hợp tổ chức, cá nhân không có cơ sở sản xuất (thuê chung cư 40m²) nhưng vẫn được phép ký hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài, sau khi nhập khẩu nguyên liệu thì tổ chức, cá nhân thuê đơn vị khác trong nước để gia công, gây khó khăn cho công tác quản lý của cơ quan hải quan. Do đó, cần thiết bổ sung quy định theo hướng hàng hóa nhập khẩu để gia công được miễn thuế nhập khẩu quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản này, tổ chức, cá nhân phải có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng cơ sở gia công trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp với hàng hóa nhận gia công cho thương nhân nước ngoài.

²³ Theo quy định tại Điều 52 Luật Quản lý ngoại thương có quy định về đặt gia công ở nước ngoài như sau:

"1. Thương nhân được đặt gia công ở nước ngoài hàng hóa lưu thông hợp pháp.

2. Việc xuất khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư để gia công và nhập khẩu sản phẩm gia công thực hiện theo quy định về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Thương nhân thực hiện nghĩa vụ về thuế đối với việc nhập khẩu sản phẩm gia công phục vụ tiêu dùng trong nước theo quy định của pháp luật về thuế."

Do đó, cần bổ sung khoản 6a quy định:

a) Máy móc, thiết bị xuất khẩu để phục vụ hợp đồng gia công ở nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu.

Đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công là nguyên liệu, phụ liệu, vật tư thuộc danh mục các mặt hàng chịu thuế xuất khẩu theo quy định của Chính phủ thì không được miễn thuế xuất khẩu.

b) Sản phẩm gia công nhập khẩu được miễn thuế nhập khẩu tính trên phần trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công (không bao gồm tiền thuế xuất khẩu và các chi phí khác để thực hiện hợp đồng gia công).

Trường hợp sau khi nộp thuế nhập khẩu, hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến và được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, được hoàn lại số tiền thuế đã nộp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.

cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thì không được miễn thuế.²⁴

7. Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu, bao gồm:²⁵

a) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Nguyên liệu, vật tư (bao gồm cả vật tư làm bao bì hoặc bao bì để đóng gói sản phẩm xuất khẩu), linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu trực tiếp cấu thành sản phẩm xuất khẩu hoặc tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng không trực tiếp chuyển hóa thành hàng hóa;

b) Sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để đóng gói, dán nhãn hoặc gắn, lắp ráp vào sản phẩm xuất khẩu hoặc đóng chung thành mặt hàng đồng bộ với sản phẩm xuất khẩu;

c) Linh kiện, phụ tùng nhập khẩu để bảo hành cho sản phẩm xuất khẩu;

d) Hàng hóa nhập khẩu không sử dụng để mua bán, trao đổi hoặc tiêu dùng mà chỉ dùng làm hàng mẫu;

đ) Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu được phép tiêu hủy tại Việt Nam và thực tế đã tiêu hủy.

e) Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu vào doanh nghiệp trong khu phi thuế quan để thuê gia công lại được miễn thuế xuất khẩu. Quá trình gia

²⁴ Bộ quy định về không miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên. Lý do: Trên thực tế việc xác định tỷ lệ 51% không thể thực hiện được, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

²⁵ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

(1) Tại điểm a, b, c, d, đ: Bổ sung quy định chi tiết về các mặt hàng nhập khẩu để SXKK được miễn thuế bao gồm: Nguyên liệu, vật tư; sản phẩm hoàn chỉnh; linh kiện, phụ tùng NK để bảo hành; hàng mẫu; hàng hóa được phép tiêu hủy để đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện (hiện nay các đối tượng này đang được quy định khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP)

(2) Tại điểm e, g: Bổ sung các quy định về hàng hóa nhập SXKK được thuê DNCX gia công lại, thuê nước ngoài gia công lại sau đó nhận sản phẩm để xuất khẩu.

(3) Tại điểm h: Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân phải có cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu trên lãnh thổ Việt Nam, có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu để khắc phục tình trạng doanh nghiệp không có cơ sở sản xuất nhưng vẫn nhập khẩu hàng hóa để SXKK sau đó thuê gia công lại trong nước, cơ quan hải quan không quản lý được.

(4) Tại điểm i: Bổ sung quy định trường hợp hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu quy định tại điểm a khoản này thuê doanh nghiệp khác trong nội địa gia công lại một phần hoặc toàn bộ các công đoạn của sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu nhưng tổ chức, cá nhân nhập khẩu không có cơ sở sản xuất giao toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho tổ chức thuộc sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của người nộp thuế sản xuất sản phẩm sau đó nhận lại sản phẩm để xuất khẩu thì thực hiện theo quy định của Chính phủ (hiện nay nội dung này đang được quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 18/2021/NĐ-CP, cần thiết phải bổ sung vào Luật để đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện)

(5) Tại điểm k: Bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu được miễn thuế theo quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sản phẩm được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan (đối với TH xuất khẩu tại chỗ cho một DN khác trong nội địa thì không đáp ứng điều kiện miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để SXKK)

công lại không sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước sản phẩm gia công được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều này.

Trường hợp quá trình gia công lại trong khu phi thuế quan có sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước phải nộp thuế nhập khẩu theo mức thuế suất của sản phẩm, không tính vào trị giá tính thuế đối với trị giá hàng hóa doanh nghiệp nội địa đưa đi gia công lại. Sau khi nộp thuế nhập khẩu, hàng hóa được xuất khẩu nguyên trạng ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, được hoàn lại số tiền thuế đã nộp điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.

g) Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu ra nước ngoài để thuê gia công lại được miễn thuế xuất khẩu.

Sản phẩm gia công nhập khẩu phải nộp thuế nhập khẩu theo mức thuế suất của sản phẩm nhập khẩu, trị giá tính thuế nhập khẩu được trừ trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu cấu thành trong sản phẩm gia công nhập khẩu trở lại. Trường hợp sau khi nộp thuế nhập khẩu, hàng hóa được xuất khẩu nguyên trạng ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, được hoàn lại số tiền thuế đã nộp điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.

h) Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu quy định tại điểm a khoản này, tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để sản xuất xuất khẩu phải có cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu trên lãnh thổ Việt Nam, có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu.

i) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu quy định tại điểm a khoản này thuê doanh nghiệp khác trong nội địa gia công lại một phần hoặc toàn bộ các công đoạn của sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu nhưng tổ chức, cá nhân nhập khẩu không có cơ sở sản xuất giao toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho tổ chức thuộc sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của người nộp thuế sản xuất sản phẩm sau đó nhận lại sản phẩm để xuất khẩu thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.

k) Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu được miễn thuế theo quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sản phẩm được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan.

8. Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào thị trường trong nước *được miễn thuế, bao gồm:*

a) Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp của doanh nghiệp trong khu phi thuế quan sử dụng nguyên liệu, linh kiện có nguồn gốc trong khu phi

thuế quan khi nhập khẩu vào thị trường trong nước được miễn thuế nhập khẩu.

b) Hàng hóa nhập khẩu để gia công cho thương nhân nước ngoài, nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu vào doanh nghiệp trong khu phi thuế quan để thuê gia công lại được miễn thuế xuất khẩu.

Quá trình gia công lại không sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước sản phẩm gia công được miễn thuế nhập khẩu.

Quá gia công lại có sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước phải nộp thuế nhập khẩu theo mức thuế suất của sản phẩm nhập khẩu, trị giá tính thuế nhập khẩu được trừ trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu cấu thành trong sản phẩm gia công nhập khẩu trở lại. Trường hợp sau khi nộp thuế nhập khẩu, hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến và được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, được hoàn lại số tiền thuế đã nộp điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.

c) Hàng hóa có nguồn gốc trong nước, doanh nghiệp nội địa xuất khẩu vào doanh nghiệp trong khu phi thuế quan để thuê gia công được miễn thuế xuất khẩu. Quá trình gia công không sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp, khi nhập khẩu vào thị trường trong nước sản phẩm gia công được miễn thuế nhập khẩu.²⁶

²⁶ Trong thực tế hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan (PTQ) không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài bao gồm các trường hợp:

a) Trường hợp sử dụng nguyên liệu tại chỗ trong khu PTQ: Ví dụ DNCX sử dụng gỗ trồng trong khu PTQ để đóng thành bàn ghế sau đó bán vào thị trường trong nước thì được miễn thuế nhập khẩu. Do đó, cần thiết bổ sung quy định hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp của doanh nghiệp trong khu PTQ sử dụng nguyên liệu, linh kiện có nguồn gốc trong khu PTQ khi nhập khẩu vào thị trường trong nước được miễn thuế nhập khẩu.

b) Trường hợp sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu nhưng đã qua một lần nhập khẩu vào thị trường trong nước, sau đó đưa vào DNCX để gia công lại: Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào nội địa, sau đó doanh nghiệp nội địa thuê DNCX gia công một phần hoặc toàn bộ sản phẩm, DN nội địa nhập khẩu sản phẩm trở lại nội địa để xuất khẩu ra nước ngoài, thì chưa có quy định rõ khi nhập khẩu trở lại nội địa DN nội địa có hay không phải nộp thuế nhập khẩu. Do đó, cần bổ sung quy định về chính sách thuế đối với trường hợp DNCX gia công cho DN nội địa sử dụng toàn bộ hàng hóa (nguyên liệu, vật tư) do doanh nghiệp nội địa cung cấp, số nguyên liệu này có nguồn gốc nhập khẩu.

Quá trình gia công lại không sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu phi thuế quan cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước sản phẩm gia công được miễn thuế nhập khẩu.

Quá trình gia công lại có sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu PTQ cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước phải nộp thuế nhập khẩu theo mức thuế suất của sản phẩm nhập khẩu, trị giá tính thuế nhập khẩu được trừ trị giá của nguyên liệu, vật tư xuất khẩu cấu thành trong sản phẩm gia công nhập khẩu trở lại. Trường hợp sau khi nộp thuế nhập khẩu, hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến và được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu PTQ, được hoàn lại số tiền thuế đã nộp điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này.

c) Hiện nay chưa có quy định rõ đối với trường hợp DN nội địa sử dụng hàng hóa trong nước thuê DNCX gia công lại. Ví dụ DN trong nước sử dụng gỗ rừng trồng trong nước thuê DNCX đóng thành bàn ghế. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý cần thiết bổ sung quy định hàng hóa có nguồn gốc trong nước, DN nội địa xuất khẩu vào doanh nghiệp trong khu PTQ để thuê gia công được miễn thuế xuất khẩu; quá trình gia công lại không sử dụng thêm nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp trong khu PTQ cung cấp khi nhập khẩu vào thị trường trong nước sản phẩm gia công được miễn thuế nhập khẩu.

9. Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập trong thời hạn nhất định, bao gồm:

a) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, sự kiện thể thao, văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác; máy móc, thiết bị tạm nhập, tái xuất để thử nghiệm, nghiên cứu phát triển sản phẩm; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định *của chủ sở hữu hàng hóa (không bao gồm bên thứ ba)* hoặc phục vụ gia công cho thương nhân nước ngoài.

Trường hợp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất *phải kê khai nộp thuế nhập khẩu trên toàn bộ trị giá hàng hóa tạm nhập, tạm xuất, việc xác định trị giá hàng hóa theo quy định của pháp luật về hải quan.*

*Trường hợp xăng, dầu chứa trong phương tiện chuyên dụng tự hành hoặc không tự hành tạm nhập tái xuất để thực hiện các dự án đầu tư, thi công, xây dựng lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất trong nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam thì phải kê khai, nộp đủ các loại thuế như đối với hàng hóa nhập khẩu. Khi tái xuất số xăng, dầu dư thừa không sử dụng hết được hoàn tiền thuế theo quy định về hoàn tiền thuế nộp thừa của pháp luật về quản lý thuế.*²⁷

²⁷ Nội dung sửa đổi, bổ sung được in nghiêng đậm. Lý do sửa đổi, bổ sung:

(1) Tại điểm a khoản 9 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành quy định máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định thì được miễn thuế nhập khẩu, xuất khẩu. Tuy nhiên, đối với “hàng hóa tạm nhập tái xuất tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định” chưa nêu rõ là công việc của chủ sở hữu hàng hóa hay của bên thứ ba. Do đó, cần bổ sung quy định là hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định của chủ sở hữu hàng hóa thì được miễn thuế nhập khẩu khi tạm nhập, miễn thuế xuất khẩu khi tạm xuất (đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất hoặc tạm xuất tái nhập để cho bên thứ ba thì phải nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu). *Ghi chú: TCHQ đã có công văn hướng dẫn số 4837/TCHQ-TXNK ngày 21/7/2020.*

(2) Đối với hàng hóa là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất theo quy định tại khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành, hàng hóa nêu trên không được miễn thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, không quy định rõ trị giá tính thuế được tính trên toàn bộ hàng hóa hay chỉ tính trên giá đi thuê, đi mượn. Do đó, để khắc phục tình trạng doanh nghiệp ký hợp đồng thuê, mượn dài hạn đến hết tuổi đời của hàng hóa đi thuê, mượn thì cần bổ sung quy định đối với hàng hóa là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất thì trị giá tính thuế là toàn bộ trị giá hàng hóa tạm nhập để đảm bảo bình đẳng với doanh nghiệp đi mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất với doanh nghiệp đi thuê, đi mượn.

(3) Theo quy định tại khoản 14 Điều 4 Thông tư 69/2016/TT-BTC ngày 06/5/2016 của Bộ Tài chính quy định việc nộp thuế đối với nhiên liệu xăng dầu chứa trong phương tiện chuyên dụng tự hành hoặc không tự hành tạm nhập tái xuất (vừa là phương tiện tự hành hoặc không tự hành đến Việt Nam, vừa là thiết bị, máy móc nhập khẩu hoặc tạm nhập tái xuất phục vụ thi công công trình, dự án đầu tư). Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thiết bổ sung quy định đối với trường hợp phương tiện vận chuyển tạm nhập, tái xuất để thực hiện các dự án đầu tư, thi công, xây dựng lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất có mang theo nhiên liệu dự trữ là xăng, dầu thì phải kê khai, nộp đủ các loại thuế như đối với hàng hóa nhập khẩu. Khi tái xuất số nhiên liệu dư thừa không sử dụng hết được hoàn tiền thuế theo quy định về hoàn tiền thuế nộp thừa của pháp luật về quản lý thuế.

b) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm nhập để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài; **Hàng** hóa tạm nhập, tái xuất để cung ứng cho tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam;²⁸

c) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế *theo thỏa thuận bảo hành ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa và đáp ứng điều kiện không làm thay đổi hình dáng, công dụng, đặc tính cơ bản của hàng hóa, toàn bộ các chi phí bảo hành, sửa chữa, thay thế do bên bán chịu thì được miễn thuế khi tạm nhập, khi tái xuất hoặc khi tạm xuất, khi tái nhập.*

Trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, phải tạm nhập để sửa chữa, thay thế không theo thỏa thuận bảo hành ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa, các chi phí sửa chữa, thay thế do bên mua chịu, quá trình sửa chữa, thay thế có sử dụng nguyên liệu, vật tư trong nước thuộc danh mục các mặt hàng có thuế xuất khẩu thì khi tái xuất phải kê khai, nộp thuế xuất khẩu đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư trong nước cấu thành trong sản phẩm tái xuất theo thuế suất của nguyên liệu, vật tư.

*Trường hợp hàng hóa đã nhập khẩu phải tạm xuất để sửa chữa, thay thế không theo thỏa thuận bảo hành ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa, các chi phí sửa chữa, thay thế do bên mua chịu, quá trình sửa chữa, thay thế có sử dụng nguyên liệu, vật tư thuộc danh mục các mặt hàng có thuế nhập khẩu thì khi tái nhập phải kê khai, nộp thuế nhập khẩu đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư cấu thành trong sản phẩm tái nhập theo thuế suất của nguyên liệu, vật tư.*²⁹

²⁸ Trong thực tế phát sinh một số vướng mắc như sau:

- Trường hợp máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm nhập để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, khi tạm nhập có tờ khai hải quan nhưng khi tái xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng được gắn trên tàu bay, tàu biển, doanh nghiệp không còn hàng hóa để kê khai trên tờ khai tái xuất.

- Trường hợp máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, khi tạm xuất có tờ khai hải quan nhưng khi tái nhập máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng được gắn trên tàu bay, tàu biển, doanh nghiệp không còn hàng hóa để kê khai trên tờ khai tái nhập.

Do đó, để xử lý vướng mắc trong thực tế, cần thay thế cụm từ “tạm nhập” bằng cụm từ “đưa vào Việt Nam”, thay thế cụm từ “tạm xuất” bằng cụm từ “đưa ra nước ngoài”; tách riêng đối tượng miễn thuế là “hàng hóa đưa vào Việt Nam để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc đưa ra nước ngoài để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài” quy định tại khoản 9a, đồng thời bổ sung quy định về việc theo dõi, quyết toán số lượng hàng hóa được miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.

²⁹ Theo quy định tại Điều 49 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 người bán hàng hóa phải có trách nhiệm bảo hành đối với sản phẩm bán ra trong thời hạn nhất định được quy định trên hợp đồng mua bán. Trong thời hạn bảo hành, các chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa, thay thế hàng hóa do người bán chịu.

Quy định tại điểm c khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa phân biệt hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế có hay không trong điều kiện bảo hành ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa. Do đó, cơ quan hải quan không có cơ sở để thu thuế đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế. Để xử lý vướng mắc trên thực tế, cần bổ sung quy định về xử lý thuế đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế bao gồm 3 trường hợp sau đây:

d) ~~Phương tiện quay vòng Hàng hóa nhập khẩu là container rỗng có hoặc không có móc treo, bồn mềm lót trong container để chứa hàng lỏng; các phương tiện khác~~ theo phương thức tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.³⁰

đ) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất trong thời hạn tạm nhập, tái xuất (bao gồm cả thời gian gia hạn) được tổ chức tín dụng bảo lãnh hoặc đã đặt cọc một khoản tiền tương đương số tiền thuế nhập khẩu, **thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường** của hàng hóa tạm nhập, tái xuất.³¹

~~9a. Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm nhập Hàng hóa đưa vào Việt Nam để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất đưa ra nước ngoài để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài. Việc theo dõi, quyết toán số lượng hàng hóa được miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.~~

10. Hàng hóa không nhằm mục đích thương mại trong các trường hợp sau: hàng mẫu; ảnh, phim, mô hình thay thế cho hàng mẫu; ấn phẩm quảng cáo số lượng nhỏ.

11. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị;

b) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án;

(1) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế theo thỏa thuận bảo hành ghi trên hợp đồng được miễn thuế khi tạm nhập, khi tái xuất hoặc khi tạm xuất, khi tái nhập.

(2) Trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, phải tạm nhập để sửa chữa, thay thế không theo thỏa thuận bảo hành ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa, các chi phí sửa chữa, thay thế do bên mua chịu, quá trình sửa chữa, thay thế có sử dụng nguyên liệu, vật tư trong nước thuộc danh mục các mặt hàng có thuế xuất khẩu thì khi tái xuất phải kê khai, nộp thuế xuất khẩu đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư trong nước cấu thành trong sản phẩm tái xuất theo thuế suất của nguyên liệu, vật tư.

(3) Trường hợp hàng hóa đã nhập khẩu phải tạm xuất để sửa chữa, thay thế không theo thỏa thuận bảo hành ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa, các chi phí sửa chữa, thay thế do bên mua chịu, quá trình sửa chữa, thay thế có sử dụng nguyên liệu, vật tư thuộc danh mục các mặt hàng có thuế nhập khẩu thì khi tái nhập phải kê khai, nộp thuế nhập khẩu đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư cấu thành trong sản phẩm tái nhập theo thuế suất của nguyên liệu, vật tư.

³⁰ Luật thuế xuất nhập khẩu chưa quy định rõ phương tiện quay vòng bao gồm các loại phương tiện gì. Do đó, cần thiết bổ sung chi tiết các loại phương tiện để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở kế thừa quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ.

³¹ Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất có thể thuộc đối tượng chịu thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế BVMT. Tại điểm đ khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành quy định hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất trong thời hạn tạm nhập, tái xuất (bao gồm cả thời gian gia hạn) được tổ chức tín dụng bảo lãnh hoặc đã đặt cọc một khoản tiền tương đương **số tiền thuế nhập khẩu** của hàng hóa tạm nhập, tái xuất. Trường hợp hàng hóa có thuế suất thuế nhập khẩu 0% thì không phát sinh nghĩa vụ phải đặt cọc khoản tiền tương đương số tiền thuế nhập khẩu. Do đó, cần thiết bổ sung quy định tại điểm này theo hướng tổ chức tín dụng bảo lãnh hoặc đặt cọc một khoản tiền tương đương số tiền thuế nhập khẩu, **thuế TTĐB, thuế BVMT** của hàng hóa tạm nhập, tái xuất.

c) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản này được áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng, *dự án chuyển nhượng của công ty mẹ cho công ty con, dự án chuyển nhượng của các đơn vị thành viên trong cùng một tập đoàn.*³²

*11a. Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ hoạt động đường sắt, bao gồm máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện giao thông đường sắt, nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị cần thiết cho hoạt động đường sắt và vật tư cần thiết cho xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt mà trong nước chưa sản xuất được.*³³

12. Giống cây trồng; giống vật nuôi; phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong nước chưa sản xuất được, ~~cần thiết~~ **được phép** nhập khẩu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.³⁴

13. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

Việc miễn thuế nhập khẩu quy định tại Khoản này không áp dụng đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản; dự án sản xuất sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên; dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (*trừ ô tô*).³⁵

³² Trong thực tế có phát sinh trường hợp dự án được hưởng ưu đãi đầu tư nhưng hàng hóa không nhập khẩu từ nước ngoài mà được chuyển nhượng từ dự án khác trong nước, chuyển nhượng từ dự án của Công ty mẹ cho dự án của Công ty con, dự án của các đơn vị thành viên trong cùng một tập đoàn. Do đó, cần thiết cần bổ sung quy định này để xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện.

³³ Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 6 Luật Đường sắt số 06/2017/QH14: “*Được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện giao thông đường sắt, nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị cần thiết cho hoạt động đường sắt và vật tư cần thiết cho xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt mà trong nước chưa sản xuất được.*” Căn cứ quy định nêu trên, đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ hoạt động đường sắt bao gồm cả “*phụ tùng thay thế*”, các đối tượng ưu đãi đầu tư khác không được miễn thuế đối với mặt hàng này. Do đó, cần thiết bổ sung tại Luật thuế xuất nhập khẩu để đảm bảo căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện.

³⁴ Cụm từ “cần thiết” là thuật ngữ mang tính định tính. Do đó, cần sửa đổi thành cụm từ “được phép”.

³⁵ Tại khoản 13 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành quy định đối với dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì không được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, tại khoản 5 Điều 15 Luật đầu tư số 61/2020/QH14 không loại trừ dự án sản xuất ô tô thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Như vậy, theo quy định của pháp luật về đầu tư thì dự án sản xuất ô tô mặc dù chịu thuế TTĐB nhưng vẫn được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu. Do đó, cần thiết bổ sung cụm từ “trừ ô tô” tại khoản 13 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 15 Luật đầu tư số 61/2020/QH14.

14. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được của dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế được **Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận** được ưu tiên nghiên cứu, chế tạo được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.³⁶

15. Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ hoạt động dầu khí, bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng cần thiết cho hoạt động dầu khí, bao gồm cả trường hợp tạm nhập, tái xuất;

b) Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị cần thiết cho hoạt động dầu khí;

c) Vật tư cần thiết cho hoạt động dầu khí trong nước chưa sản xuất được.

Các hợp đồng dầu khí đã được Chính phủ cam kết bảo lãnh thì được hưởng ưu đãi miễn thuế theo cam kết bảo lãnh của Chính phủ.³⁷

16. Dự án, cơ sở đóng tàu thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi theo quy định của pháp luật về đầu tư được miễn thuế đối với:

a) Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của cơ sở đóng tàu, bao gồm: máy móc, thiết bị; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị; phương tiện vận tải trong dây chuyền công nghệ phục vụ trực tiếp cho hoạt động đóng tàu; vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được;

b) Hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được phục vụ cho việc đóng tàu;

c) Tàu biển xuất khẩu.

17. Máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bộ phận, phụ tùng nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền.

³⁶ Tại khoản 14 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành quy định “dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế được ưu tiên nghiên cứu, chế tạo được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất”. Tuy nhiên không quy định cơ quan nào có thẩm quyền xác nhận. Để xử lý vướng mắc nêu trên, cần thiết bổ sung quy định làm rõ cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc ưu tiên nghiên cứu, chế tạo đối với dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế làm cơ sở miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được của dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế.

³⁷ Trong giai đoạn từ năm 1985 – 2006 thì một số dự án dầu khí có ký hợp đồng liên doanh với nước ngoài, tại hợp đồng liên doanh có quy định chi tiết về các mặt hàng được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Đối chiếu với quy định của Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành thì các thỏa thuận này cao hơn so với quy định của Luật thuế xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, các hợp đồng liên doanh với nước ngoài đã được Chính phủ cam kết bảo lãnh (GGU). Do đó, cần thiết bổ sung tại khoản 15 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu để phù hợp với thực tế phát sinh các hợp đồng dầu khí đã được Chính phủ cam kết bảo lãnh trong đó có cam kết về thuế.

18. Hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, nội dung số, phần mềm.

19. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được để thu gom, vận chuyển, xử lý, chế biến nước thải, rác thải, khí thải, quan trắc và phân tích môi trường, sản xuất năng lượng tái tạo; xử lý ô nhiễm môi trường, ứng phó, xử lý sự cố môi trường;

b) Sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ **90% nguyên liệu thu được** từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải.³⁸

20. Hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho giáo dục.

21. Hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ.

22. Hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng, trong đó phương tiện vận tải chuyên dùng phải là loại trong nước chưa sản xuất được.

23. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ bảo đảm an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp đặc biệt khác.

24. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 17. Thủ tục miễn thuế

1. Các trường hợp phải thực hiện thông báo danh mục miễn thuế với cơ quan hải quan bao gồm:

a) Các trường hợp quy định tại các khoản 4, 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 18 Điều 16 của Luật này, ~~người nộp thuế thực hiện thông báo hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu với cơ quan hải quan.~~

b) Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.³⁹

³⁸ Thực tế phát sinh vướng mắc hoạt động tái chế, xử lý chất thải phải sử dụng dung môi, hóa chất có nguồn gốc nhập khẩu hoặc mua trong nước, không phải từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải thì cơ quan hải quan chưa có đủ cơ sở để miễn thuế xuất khẩu. Do đó, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 19 Điều 16 theo hướng quy định rõ tỷ lệ phần trăm đối với sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải.

³⁹ Ngoài các trường hợp phải thông báo DMMT quy định tại các khoản 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 18 Điều 16 của Luật thuế xuất nhập khẩu, tại Nghị định 18/2021/NĐ-CP có quy định trường hợp hàng hóa là sản phẩm nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước phải thông báo DMMT. Do đó, cần bổ sung tại khoản 1 Điều 17 về các trường hợp hàng hóa phải thông báo DMMT với cơ quan hải quan theo quy định của Chính phủ.

2. Thủ tục miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 18. Giảm thuế

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan, *hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Hải quan* nếu bị hư hỏng, mất mát được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định chứng nhận thì được giảm thuế.

Mức giảm thuế tương ứng với tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị hư hỏng, mất mát toàn bộ thì không phải nộp thuế.⁴⁰

2. Thủ tục giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 19. Hoàn thuế

1. Các trường hợp hoàn thuế:

a) Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu nhưng không có hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hoặc nhập khẩu, xuất khẩu ít hơn so với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu đã nộp thuế; *hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang*

⁴⁰ (1) Về quy định giảm thuế đối với hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, SXKK:

- Trong thực tế phát sinh trường hợp hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu đã thông quan đưa về cơ sở sản xuất của người nộp thuế, trong quá trình sản xuất hàng hóa bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan (cháy, lũ lụt...). Do khoản 1 Điều 18 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định rõ đối với trường hợp này, các doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đề nghị cơ quan hải quan giảm thuế, do đó, cơ quan hải quan đã thực hiện ấn định thuế đối với toàn bộ hàng hóa bị thiệt hại do không đáp ứng điều kiện giảm thuế.

- Về chế độ quản lý hải quan đối với hàng hóa gia công, SXKK hiện nay đang thực hiện theo các quy định sau đây:

Căn cứ khoản 1 Điều 59 Luật Hải quan: "*1. Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi nhập khẩu, trong quá trình sản xuất ra sản phẩm cho đến khi sản phẩm được xuất khẩu hoặc thay đổi mục đích sử dụng.*"

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP quy định nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu được sử dụng để sản xuất sản phẩm đã xuất khẩu thì được miễn thuế nhập khẩu

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP quy định nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu được sử dụng để sản xuất sản phẩm đã xuất khẩu thì được miễn thuế nhập khẩu.

Như vậy, đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, SXKK bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan không thuộc đối tượng miễn thuế mà thuộc đối tượng giảm thuế theo quy định tại Điều 18 Luật thuế xuất nhập khẩu. Do đó, cần thiết bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 18 để xử lý vướng mắc trong thực tế theo hướng: Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan, *hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Hải quan* nếu bị hư hỏng, mất mát được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định chứng nhận thì được giảm thuế.

(2) Về quy định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị hư hỏng, mất mát toàn bộ thì không phải nộp thuế:

Tại khoản 1 Điều 18 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành đã quy định mức giảm thuế tương ứng với tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa. Theo đó, trường hợp tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa là 100% thì được giảm thuế toàn bộ. Do đó, đề xuất bổ nội dung "Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị hư hỏng, mất mát toàn bộ thì không phải nộp thuế".

trong quá trình chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan, đã nộp thuế xuất khẩu, nhập khẩu bị tịch thu để bán đấu giá thuộc sở hữu Nhà nước;⁴¹

b) Người nộp thuế đã nộp thuế xuất khẩu nhưng hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập được hoàn thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu;

c) Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu nhưng hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất ra nước ngoài, tái xuất vào khu phi thuế quan được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu;

Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế đã kê khai thay đổi mục đích sử dụng, nộp đủ các loại thuế để tiêu thụ nội địa nhưng được tái xuất nguyên trạng như khi kê khai thay đổi mục đích sử dụng, ra nước ngoài, tái xuất vào khu phi thuế quan thì được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu.⁴²

d) Người nộp thuế đã nộp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan.

Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế đã kê khai thay đổi mục đích sử dụng, nộp đủ các loại thuế để tiêu thụ nội địa nhưng được đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan thì được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp.⁴³

đ) Người nộp thuế đã nộp thuế đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất, trừ trường hợp đi thuê để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất, khi tái xuất ra nước ngoài hoặc xuất vào khu phi thuế quan.

⁴¹ Thực tế phát sinh vướng mắc hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá trình chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan, đã nộp thuế nhập khẩu bị tịch thu sung công quỹ nhà nước. Tại Điều 19 Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành chưa quy định đối với trường hợp này được hoàn thuế. Theo quy định tại điểm 1 khoản 4 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định hàng hóa nhập khẩu bị tịch thu để bán đấu giá thuộc sở hữu Nhà nước không phải nộp thuế. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế và đảm bảo phù hợp với điểm 1 khoản 4 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, cần thiết phải bổ sung quy định về hoàn thuế đối với hàng hóa bị tịch thu để bán đấu giá thuộc sở hữu Nhà nước để xử lý vướng mắc trong thực tế.

⁴² Bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế đã kê khai thay đổi mục đích sử dụng, nộp đủ các loại thuế để tiêu thụ nội địa nhưng được tái xuất nguyên trạng như khi kê khai thay đổi mục đích sử dụng, ra nước ngoài, tái xuất vào khu phi thuế quan thì được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp nhằm xử lý các vướng mắc trong thực tế.

⁴³ Trên thực tế phát sinh vướng mắc hàng hóa nhập khẩu để gia công, SXKK thuộc đối tượng miễn thuế, hàng hóa của DNCX thuộc đối tượng không chịu thuế nhưng người nộp thuế đã kê khai tờ khai hải quan mới, nộp đủ các loại thuế như đối với hàng hóa nhập khẩu lần đầu từ nước ngoài vào Việt Nam, sau đó đưa vào SXKK và đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

Quy định hiện hành tại điểm d khoản 1 Điều 19 chưa quy định hoàn thuế đối với trường hợp này. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế, cần thiết bổ sung quy định hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa được miễn thuế, không chịu thuế đã kê khai thay đổi mục đích sử dụng để tiêu thụ nội địa sau đó đưa vào sản xuất xuất khẩu vì hàng hóa thực tế đã được xuất khẩu ra nước ngoài.

Số tiền thuế nhập khẩu được hoàn lại xác định trên cơ sở trị giá sử dụng còn lại của hàng hóa khi tái xuất khẩu tính theo thời gian sử dụng, lưu lại tại Việt Nam. *Giá trị sử dụng còn lại của hàng hóa khi tái xuất do doanh nghiệp tự xác định theo nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.* Trường hợp hàng hóa đã hết trị giá sử dụng thì không được hoàn lại thuế nhập khẩu đã nộp.⁴⁴

Không hoàn thuế đối với số tiền thuế được hoàn dưới mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ.

2. Hàng hóa quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này được hoàn thuế khi chưa qua sử dụng, gia công, chế biến.

3. Thủ tục hoàn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 202...
2. Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

1. Dự án đang được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có mức ưu đãi cao hơn mức ưu đãi quy định tại Luật này thì tiếp tục thực hiện theo mức ưu đãi đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án; trường hợp mức ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thấp hơn mức ưu đãi hoặc chưa được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định tại Luật này thì được hưởng mức ưu đãi theo quy định của Luật này cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án.

2. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng chưa xuất khẩu sản phẩm; hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất nhưng chưa tái xuất thuộc các tờ khai đăng ký với cơ quan hải quan trước ngày

⁴⁴ Theo quy định tại khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu thì hàng hóa đi thuê để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất khi tạm nhập phải kê khai nộp thuế.

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 Luật thuế xuất nhập khẩu thì số tiền thuế nhập khẩu được hoàn được xác định trên cơ sở trị giá sử dụng còn lại của hàng hóa khi tái xuất khẩu tính theo thời gian sử dụng, lưu lại tại Việt Nam.

Thực tế phát sinh vướng mắc hàng hóa đi thuê để thực hiện dự án đầu tư, thi công lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất thì không thuộc sở hữu của doanh nghiệp Việt Nam do đó trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp đi thuê không tính khấu hao và không xác định được giá trị sử dụng của hàng hóa theo sổ sách kế toán. Do đó, bổ sung vào điểm đ nội dung quy định: *Giá trị sử dụng còn lại của hàng hóa khi tái xuất do doanh nghiệp tự xác định theo nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.*

Luật này có hiệu lực thi hành, chưa nộp thuế thì được áp dụng theo quy định của Luật này.

Điều 22. Quy định chi tiết

Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 202...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

